QUỸ ETF VFMVN30	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 61.16/2016-CBTT	Ngày 05 tháng 04 năm 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Tên CTQLQ: **CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM**
Tên Quỹ ETF niêm yết: **Quỹ ETF VFMVN30**
Mã chứng khoán: **E1VFVN30**
Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: 08-3825 1488 Fax: 08-3825 1477
Người thực hiện CBTT: **NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH**
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Loại thông tin công bố: ☑ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công bố Biên bản, Nghị quyết, Điều lệ Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2015 của Quỹ ETF VFMVN30.
Ngày tổ chức đại hội: ngày 05/04/2016.

Thông tin chi tiết: Theo tập tin đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ vào ngày 05/04/2016 tại đường dẫn http://vinafund.com của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tp.HCM, ngày 05 tháng 04 năm 2016

Người công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc

QUỸ ETF VFMVN30 **(E1VFVN30)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---o0o---	**---o0o---**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2016

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI
NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2015
QUỸ ETF VFMVN30 (E1VFVN30)

Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2015 của Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFVN30) được khai mạc vào lúc 08 giờ 50 phút ngày 05 tháng 04 năm 2016 tại Văn phòng Công ty VFM, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh và Chi nhánh Hà Nội- Công ty VFM.

Ông Trần Anh Tuấn – Giám Đốc Công ty VFM - đọc báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu theo đó: Tổng số Nhà đầu tư đến tham dự đại hội là 16 nhà đầu tư, đại diện hợp pháp và hợp lệ cho 20.865.400 đơn vị quỹ, chiếm 57,01% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.

Do vậy, Đại hội đã được khai mạc hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2015 của Quỹ ETF VFMVN30 bao gồm:

- **Phần Khai mạc:**
  - Thông qua Chương trình Đại hội.
  - Thông qua Chủ tọa đoàn, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.
- **Phần Báo cáo:**
  - Báo cáo tổng kết của Ngân hàng giám sát năm 2015.
  - Báo cáo hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2015.
- **Phần Biểu quyết:**
  - Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2015.
  - Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán của Quỹ.
  - Phương án phân chia lợi nhuận năm 2015 của Quỹ.
  - Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2016.
  - Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2016.
  - Tổng ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ trong năm 2016.
  - Các điều chỉnh, bổ sung trong Điều lệ Quỹ.
- **Phần Bế mạc:**
  - Công bố các kết quả biểu quyết.
  - Thông qua Biên bản Đại hội & Nghị quyết Đại hội & Giới thiệu Ban đại diện Quỹ mới.
  - Tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đã thông qua Danh sách Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký – Pháp lý và Ban kiểm phiếu, gồm có:

<u>Chủ tọa đoàn</u>

1. Bà NGUYỄN BỘI HỒNG LÊ - Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ
2. Ông TRẦN THANH TÂN - Tổng Giám Đốc Công Ty VFM
3. Bà LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH - Phó Tổng Giám Đốc Công Ty VFM

<u>Ban Thư ký – Pháp lý</u>

1. Bà NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH - Trưởng Ban

2. Bà TRẦN NGỌC HÂN - Phó Ban

Ban Kiểm phiếu

1. Bà NINH THỊ TUỆ MINH - Trưởng Ban
2. Ông NGUYỄN HỒ MINH HUY - Thành Viên
3. Ông NGUYỄN THANH BÁCH - Thành Viên Độc Lập
   (Đại diện NHGS Standard Chartered Việt Nam)

Bá Nguyễn Bội Hồng Lê – Chủ tịch Ban đại diện Quỹ - phát biểu khai mạc Đại hội.

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I- Báo cáo:

1. Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2015

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) - báo cáo kết quả hoạt động năm 2015 của Quỹ, như sau:

- Kết thúc ngày 31/12/2015, giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 đạt 9,516.8 đồng, tăng 2,2% so với giá trị đầu năm so với chỉ số tổng thu nhập VN30 có mức tăng trưởng giá cùng kỳ 2,5%.
- Mức chênh lệch về tăng trưởng giá của Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 đạt 0,3%. Mức sai lệch (Tracking Error) giữa Quỹ và chỉ số VN30 ở mức 1,39%.
- Vào tháng Một và tháng Bảy, Quỹ ETF VFMVN30 đã thực hiện việc cơ cấu danh mục đầu tư. Trung bình mỗi lần cơ cấu danh mục tổng giá trị mua và giá trị bán chiếm khoảng 20% tổng giá trị danh mục.
- Trong năm 2015, tổng số vốn huy động ròng của Quỹ ETF VFMVN30 đạt gần 180 tỷ đồng nâng số vốn của Quỹ lên gần 380 tỷ đồng.

Tăng trưởng giá trị vốn hóa của Quỹ trong năm 2015 gần 90% so với năm 2014. Sự tăng trưởng về vốn hóa trong năm 2015 phần lớn đến từ sự tham gia đầu tư mới của các nhà đầu tư nước ngoài vào Quỹ.

2. Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2016

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) – trình bày kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2016, như sau:
Để thực hiện mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu, Quỹ ETF VFMVN30 sẽ tiếp tục tập trung những điểm chính như sau:

- Theo dõi và cập nhật diễn biến về giá trị giao dịch, sự kiện doanh nghiệp các cổ phiếu cấu thành nên chỉ số tham chiếu để có những điều chỉnh tỷ trọng danh mục đầu tư bám sát tỷ trọng danh mục chỉ số.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sai lệch giữa Quỹ và chỉ số tham chiếu (nếu có) để có giải pháp quản lý danh mục mô phỏng đạt hiệu quả.
- Nghiên cứu các chiến lược quản lý danh mục hiệu quả khi chỉ số tham chiếu thay đổi định kỳ.

3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) – trình bày Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015, như sau:

Mục tiêu hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu VN30. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Quỹ so với chỉ số tham chiếu VN30 và lợi nhuận tích lũy của Quỹ trong kỳ thỏa mãn điều kiện được chia theo luật định.

Tính từ khi thành lập tăng trưởng giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 là âm (-4.8%) do vậy không thỏa mãn điều kiện được chia theo luật định. Vì thế Quỹ ETF VFMVN30 đề xuất không thực hiện phân phối lợi nhuận cho năm 2015.

4. Báo cáo tổng kết hoạt động của Ngân hàng giám sát năm 2015

Bà Nguyễn Thị Bích Hợi – Cán bộ quản lý, dịch vụ quản trị quỹ, thay mặt cho Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - báo cáo tổng kết hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát năm 2015, cụ thể như sau:

A. Tóm tắt các thông tin chung về Quỹ:

Tên quỹ	:	Quỹ ETF VFMVN30 (VFMVN30)
Tên viết tắt	:	Quỹ VFMVN30
Số	:	14/GCN-UBCK được cấp bởi UBCKNN ngày 18 tháng 09 năm 2014
Trụ sở chính	:	P1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point 2 Ngô Đức Kế, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Dựa theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ, tình hình biến động vốn của Quỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2014	Phát sinh trong năm	Tại ngày 31/12/2015
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	24.300.000	20.000.000	44.300.000
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	243.000.000.000	200.000.000.000	443.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	275.303.671	(12.106.826.037)	(11.831.522.366)
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	243.275.303.671	187.893.173.963	431.168.477.634
Vốn góp hoán mua lại				
Số lượng (5)	CCQ	(4.100.000)	(2.500.000)	(6.600.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(41.000.000.000)	(25.000.000.000)	(66.000.000.000)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	636.431.502	946.664.727	1.583.096.229
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(40.363.568.498)	(24.053.335.273)	(64.416.903.771)
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)	CCQ	20.200.000		37.700.000
Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)	VND	202.000.000.000	175.000.000.000	377.000.000.000
Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (11) = (3) + (7)	VND	911.735.173	(11.160.161.310)	(10.248.426.137)
Lỗ lũy kế (12)	VND	(14.812.882.244)	6.846.131.493	(7.966.750.751)
NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)	VND	188.098.852.929		358.784.823.112
NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)	VND/CCQ	9.311,82		9.516,83
NAV hiện hành/1 lô chứng chỉ quỹ (15) : (13)/{(9)/100.000 CCQ}	NAV/ Lô CCQ	931.182.440		951.683.881

Về chi tiết các thông tin tài chính của Quỹ, xin vui lòng tham khảo trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Dựa trên báo cáo từ Đại lý chuyển nhượng, chi tiết biến động về số lượng nhà đầu tư sở hữu lô chứng chỉ quỹ như sau:

	Tại ngày 31.12.2014	Tại ngày 31.12.2015	Tăng/(Giảm)
Số lượng nhà đầu tư	304	198	(106)

B. Báo cáo về việc giám sát hoạt động quản lý Quỹ của Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam ("VFM") đối với Quỹ ETF VFMVN30 ("VFMVN30")

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam đã thực hiện đầy đủ việc lập báo cáo theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, cung cấp cho Ngân hàng giám sát ("NHGS") đầy đủ các chứng từ liên quan đến các giao dịch tài sản mà Quỹ thực hiện.

Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NHGS đối với Quỹ ETF VFMVN30, chúng tôi ghi nhận một số vấn đề sau:

- *Ngày 11 tháng 05 năm 2015, Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam đã tổ chức họp Ban Đại Diện Quỹ ("BĐD") quý I năm 2015. Tại cuộc họp này các thành viên BĐD Quỹ đã thông qua các vấn đề sau:*
  - Thông qua báo cáo tình hình hoạt động Quỹ quý I năm 2015;
  - Thông qua kế hoạch hoạt động Quỹ quý II năm 2015;

- Thông qua Báo cáo hoạt động Quản trị rủi ro Quỹ quý I năm 2015.

- *Ngày 14 tháng 07 năm 2015, Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam đã tổ chức họp Ban Đại Diện Quỹ ("BĐD") quý II năm 2015. Tại cuộc họp này các thành viên BĐD Quỹ đã thông qua các vấn đề sau:*
  - Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động Quý quý II năm 2015;
  - Thông qua kế hoạch hoạt động Quỹ quý III năm 2015;
  - Cập nhật ngân sách tổ chức Đại Hội năm 2014;
  - Thông qua Báo cáo hoạt động Quản trị rủi ro Quỹ quý II năm 2015;
  - Thông qua đề xuất sửa cơ chế thông qua giao dịch thỏa thuận cổ phiếu;
  - Các vấn đề khác.
- *Ngày 30 tháng 10 năm 2015, Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam đã tổ chức họp Ban Đại Diện Quỹ ("BĐD") quý III/2015. Tại cuộc họp này, các thành viên BĐD đã thông qua các vấn đề sau:*
  - Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động Quỹ quý III năm 2015;
  - Thông qua kế hoạch hoạt động Quỹ ETF quý IV năm 2015;
  - Thông qua Báo cáo hoạt động Quản trị rủi ro Quỹ quý III năm 2015;
  - Thông qua việc đề xuất chi phí thực hiện Đại hội thường niên và Báo cáo thường niên của Quỹ năm 2015;
  - Các vấn đề khác.
- *Ngày 28 tháng 01 năm 2016, Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam đã tổ chức họp Ban Đại Diện Quỹ ("BĐD") Quý IV/2015. Tại cuộc họp này, các thành viên BĐD đã thông qua các vấn đề sau:*
  - Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động Quỹ trong năm 2015;
  - Thông qua định hướng kế hoạch hoạt động năm 2016 của Quỹ;
  - Thông qua công tác quản trị rủi ro của danh mục đầu tư của Quỹ;
  - Thông qua báo cáo tổng kết chi phí hoạt động quỹ năm 2015;
  - Thông qua báo cáo chi phí hoạt động Ban Đại Diện quỹ năm 2015 và ngân sách hoạt động Ban Đại Diện năm 2016;
  - Thông qua báo cáo việc thực hiện Báo cáo thường niên và tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên cho Quỹ;
  - Các vấn đề khác.

C. Báo cáo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF VFMVN30, Ngân hàng chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong việc cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, dịch vụ quản lý tài sản cũng như dịch vụ đăng ký đối với Quỹ ETF VFMVN30, thể hiện trên một số nội dung như sau:

- Thực hiện việc cầm giữ và lưu ký các tài sản của Quỹ an toàn, lưu ký các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Quỹ, đồng thời duy trì các sổ sách thể hiện rõ tài sản của Quỹ là thuộc sở hữu của Quỹ và tách bạch với các tài sản khác;
- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ đối với các giao dịch của Quỹ;
- Thực hiện kiểm tra và xác nhận đối với các báo cáo liên quan tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập theo các cách thức chính xác và chuyên nghiệp và thực hiện chế độ báo cáo cho cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật;
- Giám sát tính tuân thủ pháp luật và Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ với sự cẩn trọng và chuyên nghiệp;
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Đại Diện, Đại hội nhà đầu tư của Quỹ theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

Báo Cáo Giám Sát hoạt động của Quỹ hoán đổi danh mục được dựa trên các thông tin, tài liệu và dữ liệu được cung cấp bởi Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Việt Nam. Báo cáo này không bao gồm các vấn đề và các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng giám sát do các thông tin bị che dấu hoặc được cung cấp không chính xác bởi Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Việt Nam.

5. Báo cáo hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2015

Bà Lê Thị Thu Hương –Thành viên Ban đại diện quỹ thay mặt Ban đại diện quỹ báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện quỹ năm 2015, như sau:

Trong năm 2015, tổng số vốn huy động ròng của Quỹ ETF VFMVN30 đạt gần 180 tỷ đồng nâng số vốn của Quỹ lên gần 380 tỷ đồng. Tăng trưởng giá trị vốn hóa của Quỹ trong năm 2015 gần 90% so với năm 2014. Sự tăng trưởng về vốn hóa trong năm 2015 phần lớn đến từ sự tham gia đầu tư mới của

các nhà đầu tư nước ngoài vào Quỹ. Đây là một minh chứng cho sự tin tưởng của nhà đầu tư đối với Quỹ ETF VFMVN30 do VFM quản lý.

Phiên họp trù bị Ban Đại diện Quỹ ETF VFMVN30 được thực hiện bằng văn bản trước khi tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên 2014 ngày 19/03/2015. Cuộc họp chủ yếu thông qua các nội dung về báo cáo tổng kết Ngân hàng giám sát, báo cáo tài chính đã kiểm toán của Quỹ, tổng ngân sách hoạt động BDD Quỹ và cập nhật chi phí tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên, với việc ban hành Nghị quyết số 1.15/NQ-BDD-ETF. Tiếp theo đó, ngày 11/5/2015, Ban đại diện cũng thống nhất thông qua các vấn đề báo cáo quý I của Quỹ và báo cáo Quản trị rủi ro định kỳ cũng như kế hoạch hoạt động Quý II bằng hình thức văn bản, Cuộc họp quý II của Ban đại diện ngày 14/07/2015 được tổ chức thành công tốt đẹp, thống nhất thông qua các báo cáo quý II về hoạt động và quản trị rủi ro Quỹ, cũng như cập nhật ngân sách tổ chức đại hội và đề xuất chỉnh sửa cơ chế thông qua giao dịch thỏa thuận cổ phiếu, với Nghị quyết ban hành số 2.15/NQ-BDD-ETF. Dù với tính chất của Quỹ ETF, việc phát sinh rủi ro là rất thấp do mô phỏng theo chỉ số tham chiếu VN30 – bộ chỉ số gồm 30 mã chứng khoán có vốn hóa và tính thanh khoản tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam, Ban đại diện vẫn rất sát sao theo dõi tình hình hoạt động và kế hoạch hoạt động của Quỹ lẫn theo dõi hoạt động quản trị rủi ro và chi phí thực hiện Đại hội thường niên và báo cáo thường niên của Quỹ năm 2015 thông qua cuộc họp quý III ngày 30/10/2015 được tổ chức qua điện thoại 2 đầu cầu TPHCM và Hà Nội. Cuộc họp quý IV của năm 2015 cũng hoàn tất các công việc báo cáo hàng quý và được thông qua kế hoạch hoạt động Quỹ trong năm 2016, và các vấn đề có liên quan được đề cập trong buổi họp qua điện thoại ngày 29/01/2016.

Ngoài ra, Ban đại diện cũng biểu quyết thông qua bằng văn bản thông qua áp dụng rút ngắn chu kỳ thanh toán chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 trong giao dịch hoán đổi định kỳ từ ngày T+2 về ngày T+1 với việc ban hành Nghị quyết số 4/NQ-BDD-ETF VFMVN30 ngày 24/12/2015.

6. Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2016

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) - báo cáo Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2016, như sau:

Hiện tại VFM nhận được bản chào giá từ 3 công ty kiểm toán hàng đầu Việt Nam với mức phí cho năm 2016 như sau:

Quỹ	NAV @ 31/12/2015 (tỷ VNĐ)	Phí Kiểm toán 2015 (triệu đồng)	Đề xuất cho năm 2016 (triệu đồng)		
			KPMG	PwC	E&Y
VFMVN30	359	80	85	90	88
% thay đổi			*6.3%*	*12.5%*	*10.0%*

Ghi chú:
(1) Phí trên chưa bao gồm VAT.
(2) Theo Thông Tư 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015, kể từ năm 2016 báo cáo tài chính 6 tháng của Quỹ phải được soát xét bởi công ty kiểm toán.

Căn cứ trên bảng chào giá trên, VFM đề xuất Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán nói trên để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2016.

Việc lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2016 dựa trên:
- Tính liên tục của kiểm toán.
- Mức phí hợp lý.
- Tính chuyên nghiệp cao.
- Đáp ứng được các yêu cầu của Quỹ.

7. Báo cáo chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2015

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) - báo cáo Chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2015, như sau:

Báo cáo chi phí hoạt động thực tế so với ngân sách được duyệt 2015:

STT	Loại chi phí	Thực tế 2015	Ngân sách 2015	% tăng/ giảm
I	***Thù lao***	***58,500,000***	***58,500,000***	***0%***
II	***Chi phí đi lại***	***-***	***10,900,000***	***-100%***
1	Chi phí vé máy bay	-	6,500,000	***-100%***
2	Chi phí khách sạn	-	4,000,000	***-100%***
3	Chi phí đưa rước	-	400,000	***-100%***
III	***Chi phí khác*** *(Phòng họp…)*	***-***	**10,000,000**	***-100%***
	Tổng cộng	**58,500,000**	**79,400,000**	***-26.32%***

Ghi chú:

- Số liệu thực tế năm 2015 thấp hơn ngân sách năm 2015 là vì chi phí thực tế chưa bao gồm chi phí BĐD họp trù bị để chuẩn bị cho kỳ họp Đại Hội thường niên năm 2015 sắp tới, sẽ được tổ chức vào ngày 05/04/2016.

II- Nội dung biểu quyết, lấy ý kiến, trao đổi của Nhà đầu tư:

1. Ý kiến của Nhà đầu tư

Nhà Đầu tư có ý kiến liên quan đến hoạt động của Quỹ và đã được Chủ tọa đoàn giải đáp.

Bà Ninh Thị Tuệ Minh – Trưởng Ban Kiểm phiếu phổ biến Quy chế Biểu quyết của Quỹ ETF VFMVN30.

Ông Trần Anh Tuấn – Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Nam (VFM) – lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề được đề cập dưới đây và bà Ninh Thị Tuệ Minh báo cáo kết quả biểu quyết, cụ thể như sau:

2. Kết quả hoạt động của Quỹ năm 2015

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua Kết quả hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 trong năm 2015, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

3. Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán của Quỹ

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán của Quỹ ETF VFMVN30, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua việc Quỹ ETF VFMVN30 không phân phối lợi nhuận năm 2015.

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

5. Kế hoạch hoạt động của Quỹ trong năm 2016

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 trong năm 2016, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

6. Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2016

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán như đã đề xuất để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2016, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

7. Tổng ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ trong năm 2016

Ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ dự kiến trong năm 2016 cụ thể như sau:

STT	Loại chi phí	Ngân sách 2016	Thực tế 2015	% tăng/ giảm
I	***Thù lao***	***58,500,000***	***58,500,000***	***0%***
II	***Chi phí đi lại***		**-**	
1	Chi phí vé máy bay		-	
2	Chi phí khách sạn		-	
3	Chi phí đưa rước		-	
III	***Chi phí khác*** *(Phòng họp…)*		**-**	
	Tổng cộng	**58,500,000**	**58,500,000**	***0%***

(% tăng/ giảm: là tỷ lệ % ngân sách mới 2016 được lập tăng/giảm so với thực tế 2015)

Ghi chú:

- Ngân sách 2016 dự kiến so với thực tế 2015 và được lập trên cơ sở sau:
  - Tất cả các số lần họp Ban Đại Diện được tổ chức qua conference call.
- Ngân sách chi phí hoạt động của Ban Đại Diện 2016 trên sẽ dùng cho 3 thành viên và 1 thư ký, với chi tiết thù lao của các thành viên BDD vẫn giữ nguyên như sau:
  - Chủ tịch BDD: Thù lao 2 triệu đồng/tháng
  - Thành viên BDD: Thù lao 1 triệu đồng/tháng
  - Thư ký BDD: Thù lao 500 nghìn đồng/tháng
- Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức chi phí cấu thành ngân sách nêu trên.

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua Tổng ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ trong năm 2016, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý: 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến:2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

8. Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30

Trong quá trình thực tiễn áp dụng và một số văn bản mới của Nhà nước ban hành ngày càng chặt chẽ, để tránh những thiếu sót và tạo điều kiện cho hoạt động của Quỹ ngày càng thuận lợi, Công ty VFM, thay mặt Quỹ ETF VFMVN30, đề xuất điều chỉnh, bổ sung một số điều, mục trong Điều lệ Tổ chức & Hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30.

Điều lệ Quỹ ETF VFMVN30 được điều chỉnh, bổ sung trên tinh thần kết hợp những nội dung của Bản Điều lệ được thông qua vào ngày 19/03/2015 và những quy định pháp luật mới. Vì vậy, trong Bản điều lệ mới sẽ bao gồm:

1. Những nội dung quy định pháp luật mới cần đưa vào Điều lệ tổ chức và hoạt động.
2. Những nội dung mới đưa vào Điều lệ để tạo sự thuận lợi hơn trong quá trình hoạt động của Quỹ. Đây là những nội dung mà Điều lệ hiện tại chưa quy định hoặc quy định chưa rõ ràng, cụ thể.
3. Những nội dung cũ, không phù hợp cần thay đổi.

Ngoài tất cả các nội dung điều chỉnh, bổ sung trên, các nội dung còn lại vẫn được giữ nguyên trên tinh thần tôn trọng những nội dung Bản Điều lệ đầu tiên đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

1. **<u>Điều chỉnh, bổ sung Phần 1 – CĂN CỨ PHÁP LÝ</u>**: cập nhật văn bản pháp luật mới

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

…

- ***Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;***

…

- ***Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016.***

…

- Thông tư số ~~52/2012/TT-BTC~~ ***155/2015/TT-BTC*** ngày ~~5 tháng 4 năm 2012~~ ***6 tháng 10 năm 2015*** của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

2. **<u>Điều chỉnh, bổ sung Phần 2 – CÁC ĐỊNH NGHĨA</u>**: điều chỉnh định nghĩa "Ngân hàng giám sát và lưu ký", "Chỉ số tham chiếu VN30", "Chỉ số tổng thu nhập VN30 (VN30-TRI)", "Chứng khoán cơ cấu", **"**Danh mục chứng khoán cơ cấu" cho phù hợp.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Ngân hàng giám sát và lưu ký"	(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng giám sát) là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 08/9/2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số ~~37/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 16/12/2008~~. ***08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015***, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của ~~Điều lệ này~~.
~~"Chỉ số tham chiếu VN30"~~	~~Là chỉ số theo quy mô vốn hóa, gồm 30 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số này do HOSE xây dựng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.~~
~~"Chỉ số tham chiếu tổng thu nhập VN30" (VN30-TRI)~~	~~Là chỉ số theo quy mô vốn hóa, gồm 30 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số này do HOSE xây dựng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành. Chỉ số này thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tính toán để tái đầu tư vào chỉ số VN30 và được ký hiệu VN30-TRI (VN30 – Total Return Index). Danh mục chỉ số tổng thu nhập VN30 chính là danh mục chỉ số giá VN30 và chỉ khác chỉ số giá VN30 ở việc tính giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần trong chỉ số.~~ ~~Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.~~
~~"Chứng khoán cơ cấu"~~	~~Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu VN30-TRI.~~
~~"Danh mục chứng khoán cơ cấu"~~	~~Là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ VFM chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.~~

	~~Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:~~ ~~a) Bao gồm tối thiểu 85% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu VN30-TRI. (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu).~~ ~~b) Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30-TRI.~~ ~~c) Khi HOSE thực hiện thay đổi định kỳ hoặc bất thường danh mục chỉ số VN30-TRI thì số chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi có thể thấp hơn 85% số chứng khoán của chỉ số tham chiếu VN30-TRI. (nhưng vẫn đảm bảo tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu) và/hoặc giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu có thể thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30-TRI.~~

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

3. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 7- Ngân hàng giám sát:</u> cập nhật giấy phép của Ngân hàng giám sát

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) là là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số ~~37~~08/UBCK-GCN do Uỷ Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ~~16/12/2008~~ ***07/05/2015***, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

…

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

4. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 8- Mục tiêu đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số ***tổng thu nhập*** ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số ***VN30-TRI*** là chỉ số ***tổng thu nhập*** ~~giá (price~~ ***total return*** index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

5. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 9- Chiến lược đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ ETF VFMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số ***VN30-TRI*** có sự thay đổi thì Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số ***VN30-TRI*** về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.
Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI***. Danh mục chứng khoán của chỉ số ***VN30-TRI*** bao gồm 30 cổ phiếu đang được niêm yết trên HOSE. Danh sách 30 cổ phiếu đã được sàng lọc qua các điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float), vốn hoá thị trường và giá trị giao dịch. Khi HOSE thay đổi định kỳ (rebalancing) hoặc thay đổi bất thường danh mục chỉ số ***VN30-TRI***, tỷ lệ tài sản đầu tư của Quỹ vào danh mục chứng khoán có thể biến động dưới 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI***.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư:

Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF VFMVN30 có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF VFMVN30 có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** và chiến lược đầu tư của Quỹ.

3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30:
   a. Cổ phiếu niêm yết và giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam;
   b. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ ***bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng*** tại các ~~ngân hàng thương mại~~ ***tổ chức tín dụng*** đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt;
   c. Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
   d. ***Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ***~~Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán trong danh mục của Quỹ ETF VFMVN30.~~

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý	:	97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết
Không đồng ý	:	0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết
Không có ý kiến:		2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

6. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 11- Phương pháp lựa chọn đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Để mô phỏng chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI***, về nguyên tắc Quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** theo tỷ lệ tương ứng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp Quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu tương ứng với tỷ trọng trong chỉ số tham chiếu. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể chọn phương pháp nâng tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số mà có độ tương quan cao với chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI***, sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Quỹ ETF VFMVN30 có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** tại kỳ xem xét tiếp theo.

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý	:	97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết
Không đồng ý	:	0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết
Không có ý kiến:		2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

7. **<u>Điều chỉnh, bổ sung Điểm d Khoản 1, Điểm c-d Khoản 2, Điểm c Khoản 3, Điểm a Khoản 4, Điểm b-c Khoản 5 và Khoản 9- Điều 16- Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp):</u>** điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới.

Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp)

1. Việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 áp dụng cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện theo nguyên tắc sau:

…

Nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền và/hoặc bằng các tài sản khác cho Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối. Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối có trách nhiệm mua đủ danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF cho Nhà đầu tư. Cách thức thực hiện dựa trên quy định của Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

~~Ngày giao dịch hoán đổi đầu tiên sẽ được thực hiện sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực và được Công ty quản lý quỹ thông báo đến nhà đầu tư.~~ Tần suất giao dịch hoán đổi ~~được tổ chức~~ ***của Quỹ ETF VFMVN30 là*** ~~định kỳ hàng tuần, vào ngày Thứ Ba~~ ***hàng ngày***.Thời gian giao dịch cụ thể trong phiên giao dịch tại ngày giao dịch hoán đổi được thực hiện theo Thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.

~~Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản cáo bạch, công bố thông tin theo quy định pháp luật và trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ sẽ cập nhật phần thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội thường niên gần nhất.~~

Việc giảm tần suất giao dịch...

2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

…

c. Trong vòng ~~hai~~ ***một*** (~~02~~***01***) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, VSD sẽ hoàn tất việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 vào tài khoản của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư hoặc ngược lại. Việc tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại khoản 3 Điều này và được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và VSD xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

d. Trong vòng tối đa ~~hai~~ ***một*** (~~02~~***01***) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ phải thông báo cho VSD và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSD. Quá thời hạn nêu trên, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.

…

3. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ ETF VFMVN30 và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trừ trường hợp:

...

c. Trường hợp trong danh mục chứng khoán cơ cấu có những mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, ***nhà đầu tư*** bị hạn chế đầu tư hoặc Thành viên lập quỹ, ***nhà đầu tư*** chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, ***khi đó*** Thành viên lập quỹ, ***nhà đầu tư*** được thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

4. Trường hợp Quỹ ETF VFMVN30 tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại thời điểm ~~9 giờ 30~~ ***16 giờ*** ngày làm việc thứ ~~hai~~***nhất*** kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+~~2~~***1***)), hoặc dẫn tới Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó, thì VSD sẽ có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ VFM và yêu cầu Công ty quản lý quỹ VFM, Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

a. Trường hợp là ~~nhà đầu tư~~ ***pháp nhân, cá nhân*** nước ngoài, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho ***Thành viên lập quỹ***, nhà đầu tư bằng hình thức chuyển khoản.

…

5. Công ty quản lý có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 từ ***Thành viên lập quỹ***, nhà đầu tư ***do*** một trong các trường hợp sau:
   a. ...
   b. Tổ chức phát hành chứng khoán ***có*** trong danh mục đầu tư ~~chiếm từ 1% NAV~~ của Quỹ ETF VFMVN30 bị phá sản, giải thể, bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30 không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
   c. ***Quỹ*** cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
   ...

9. Phí phát hành, phí mua lại:
   a. Phí phát hành: là phí mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Phí này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.
      - Phí phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ ***được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và*** ~~là 0%~~ ***không vượt quá 0,5%*** ~~trên~~ giá trị giao dịch.
      - ***Phí phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.***
      - Phí phát hành áp dụng đối với nhà đầu tư ***không vượt quá 1%*** ~~là 0% trên~~ giá trị giao dịch.

      Các mức phí cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.
   b. Phí mua lại: là phí mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ.
      - ***Phí mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.***
      - ***Phí mua lại áp dụng đối với áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.***
      - ***Phí mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.***

      Các mức phí cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác

      Phí này sẽ được cấn trừ vào số tiền chênh lệch (trường hợp giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 lớn hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu). Nếu số tiền chênh lệch nhỏ hơn phí mua lại thì Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải đảm bảo phần chênh lệch tiền còn thiếu này được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF tại ngân hàng giám sát, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

      ~~- Đối với nhà đầu tư là 0,15% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.~~
      ~~- Đối với Thành viên lập quỹ là 0,1% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.~~
      ~~Đối với Thành viên lập quỹ làm thành viên tạo lập thị trường là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.~~
   ~~c.~~ Việc điều chỉnh mức phí phát hành và phí mua lại áp dụng đối với Thành viên lập *quỹ và Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường* được thực hiện theo *thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ, Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường.* ~~Thông báo của Công ty quản lý quỹ và luôn đảm bảo không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch. Mức phí mới này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch và Điều lệ Quỹ tại kỳ Đại hội thường niên gần nhất.~~
   d. Việc tăng mức phí phát hành và phí mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi mức phí sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức phí mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày ~~Bản cáo bạch, Điều lệ này đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức phí mới, thời điểm áp dụng và các tài liệu này đã được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành~~ *công ty quản lý quỹ công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của công ty.*
   e. Trường hợp giảm mức phí phát hành và phí mua lại áp dụng đối với nhà đầu so với quy định tại Điều này, thời điểm áp dụng mức phí mới sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bản

cáo bạch công bố về mức phí mới, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm cập nhật mức phí mới này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội thường niên gần nhất.

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

8. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 18- Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi:</u> điều chỉnh cho phù hợp

Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi

1. Giá phát hành lần đầu: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.
2. Giá giao dịch hoán đổi: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại.
   a. Giá giao dịch hoán đổi ***mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận*** danh mục chứng khoán cơ cấu ***đồng thời phát hành*** ~~lấy~~một lô chứng chỉ quỹ ***cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư*** (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
   b. Giá giao dịch hoán đổi ***mà Công ty quản lý quỹ mua lại*** một lô chứng chỉ quỹ ***đồng thời*** ~~lấy~~ ***hoàn trả*** danh mục chứng khoán cơ cấu ***cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư*** (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

9. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 2 Điều 20- Đại hội nhà đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 20. Đại hội nhà đầu tư

1. …

~~2.~~ Đại hội nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc ~~theo hình thức khác do Ban đại diện quỹ quyết định~~ ***lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Họp Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gởi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử. Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ thông qua quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có)***.

…

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

10. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 4, Khoản 5 Điều 21- Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

4. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát ***và phương án phân phối lợi nhuận***, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 61 của Điều lệ này;
5. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; ~~phương án phân phối lợi nhuận,~~ tăng mức phí trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

11. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 1, Khoản 2 Điều 22- Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội nhà đầu tư phải được ~~thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) cho nhà đầu tư~~ ***công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*** và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại hội.
2. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Hình thức tham dự ~~Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác~~ ***và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền trong trường hợp sau đây:***
   - ***Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;***
   - ***Ủy quyền cho một người khác hoặc ủy quyền cho Ban đại diện quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;***
   - ***Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác.***
   - ***Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác.***

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

12. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 23- Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. …
2. …
3. ***Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, quyết định tại cuộc họp của đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành***. ~~Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, quyết định của Đại hội nhà đầu tư tại cuộc họp được thông qua khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:~~

   ~~Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết;~~

   ~~Tổng số phiếu của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận không ít hơn 30% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết;~~

4. Đối với các nội dung quy định tại khoản 5, 6 Điều 21 của Điều lệ này ***phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp,*** quyết định của Đại hội nhà đầu tư tại cuộc họp được thông qua ~~khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:~~ ***khi số nhà đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.***
   ~~a. Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết;~~
   ~~b. Tổng số phiếu của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận không ít hơn 40% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết;~~
   ~~Trường hợp cuộc họp Đại hội nhà đầu tư tổ chức theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này và số nhà đầu tư tham dự đại hội đại diện cho dưới năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi đáp ứng điều kiện tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 hoặc điểm a khoản 4 Điều này.~~
5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua ***khi số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành*** ~~nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành thông qua~~
6. Công ty quản lý quỹ và ~~Ngân hàng giám sát~~ ***Ban Đại Diện Quỹ*** có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lại lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản
7. Trong thời hạn ***hai mươi bốn (24) giờ*** ~~bảy (07) ngày~~ sau khi ~~kết thúc Đại hội nhà đầu tư~~ ***thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư*** hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp ***hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và*** Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát và ~~cung cấp cho nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.~~***thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.***
8. Những quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và nhà đầu tư về việc Nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

13. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 7, Điều 24- Ban đại diện quỹ:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 24. Ban đại diện quỹ

…

7. Công ty quản lý quỹ phải ***thực hiện báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán***.~~thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện cho nhà đầu tư và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và Ngân hàng giám sát.~~

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

14. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 9, 23, 24 Điều 26- Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

…

9. Phê duyệt nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các ***tổ chức tín dụng*** ~~ngân hàng~~ nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;

…

23. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban đại diện quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 22 Điều này, Ban đại diện, thông qua Công ty quản lý quỹ, phải gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước, Ngân hàng giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban đại diện quỹ, đồng thời ~~cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống Đại lý phân phối của Quỹ.~~ ***thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.***

24. ***Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của quỹ đại chúng***.

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

15. <u>Điều chỉnh, bổ sung tiết ii điểm c khoản 1 Điều 32- Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ:</u> điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

...

c. Khi quản lý tài sản của quỹ, Công ty quản lý quỹ phải:

i. ...

ii. Trường hợp đầu tư tiền gửi cho quỹ, Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được Ban đại diện quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ ***hàng tháng*** đối soát ***số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi*** với ngân hàng nhận tiền gửi;

...

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

16. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 2 Điều 47- Hoạt động của Đại lý phân phối:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới.

Điều 47. Hoạt động của Đại lý phân phối

1. ...

2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. ***Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.***

...

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

17. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 2 Điều 50- Chế độ kế toán & báo cáo tài chính:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 50. Chế độ kế toán & báo cáo tài chính

1. ...
2. Báo cáo tài chính
   - Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
   - ***Báo cáo tài chính bán niên /báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên***/~~Các báo cáo tài chính sẽ được~~ kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

...

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

18. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 5 Điều 51- Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ:</u> điều chỉnh cho phù hợp

Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

...

5. Công ty quản lý quỹ bảo đảm mức sai lệch xác định theo công thức:

Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$\mathrm{TE_t} = \sqrt{\mathrm{n}}\sqrt{\frac{1}{\mathrm{n}-1}\sum_{\mathrm{i}=-\mathrm{n}}^{-1}(\mathrm{R_i}-\overline{\mathrm{R}})^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của 1 lô chứng chỉ quỹ ETF (NAV/CU) và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

~~$R_t = ln\left[\frac{NAV/CU_t}{NAV/CU_{t-1}}\right] - ln\left[\frac{VN30_t}{VN30_{t-1}}\right],$~~

$$\mathrm{R_i} = \ln\left[\frac{(\mathrm{NAV/CU})_\mathrm{i}}{(\mathrm{NAV/CU})_{\mathrm{i}-1}}\right] - \ln\left[\frac{(\mathrm{VN30-TRI})_\mathrm{i}}{(\mathrm{VN30-TRI})_{\mathrm{i}-1}}\right],$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n}\sum_{\mathrm{i}=-\mathrm{n}}^{-1}\mathrm{R_i}$$

n = 26

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

....

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

19. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 55- Các loại phí do Quỹ trả:</u> điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 55. Các loại phí do Quỹ trả

1. Phí quản lý quỹ
   …
2. Phí lưu ký và giám sát
   - Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
   - Phí giám sát là 0,02% NAV/năm ***(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).***

     ...
3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ
   - Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ ETF VFMVN30 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
   - Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,035% NAV/năm ***(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).***

     ...

Tổng phí Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng là 42 triệu/tháng ***(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có))*** trong hai năm đầu tiên và từ năm thứ ba trở đi thì mức phí tối thiểu này là 50 triệu/tháng.

Tổng phí Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ Quản trị quỹ hàng tháng tối đa là 0.5% NAV/***bình quân gia quyền***/năm ***(chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có))***

Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu nêu trên.

4. Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng
   - Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa là 0,02% NAV ***bình quân gia quyền*** /năm. Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng để thực hiện các dịch vụ đại lý chuyển nhượng được nêu tại Điều lệ của Quỹ ETF VFMVN30. Mức phí chi tiết sẽ được thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và đơn vị cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, và công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo mức phí áp dụng khi có sự thay đổi với Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng giám sát, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng áp dụng cho giai đoạn ngay sau khi quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ sẽ được công ty quản lý quỹ thông báo cho Ban đại diện Quỹ, Ngân hàng giám sát và cập nhật trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ trước kỳ định giá đầu tiên.
   - Mức phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 5 triệu đồng mỗi tháng ***(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).***

     ...
5. Phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu
   - Phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối đa là 0,02% NAV ***bình quân gia quyền*** /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm ***(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).*** Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.

     ...
6. Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)
   - Phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu tối đa là 0,02% NAV ***bình quân gia quyền*** /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm ***(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).***. Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

     ...
7. Các loại phí và lệ phí khác

   ...

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

20. <u>Điều chỉnh, bổ sung khoản 1 Điều 62- Đăng ký Điều lệ:</u> điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 62. Đăng ký Điều lệ

1. ….

Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ ba bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư ngày 05/04/2016, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/04/2016.

Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền của Công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

21. **Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 2- Cam kết của Ngân hàng Giám sát:** cập nhật giấy phép của Ngân hàng giám sát.

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)
Số Giấy phép Thành lập và hoạt động: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008
Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: ~~37/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 16/12/2008~~. ***08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015.***

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

22. **Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 3- CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT:** cập nhật giấy phép của Ngân hàng giám sát.

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)
Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009
NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)
Số Giấy phép Thành lập và hoạt động: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008
Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: ~~37/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 16/12/2008~~. ***08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015.***

Đại hội Nhà đầu tư đã thống nhất thông qua đề xuất chỉnh sửa Điều lệ trên, với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 97,14%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 2,86 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

9. Thông qua Biên bản, Nghị quyết và kết thúc Đại hội

Sau khi nghe đại diện Ban thư ký đọc Biên Bản, Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2015 của Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFVN30), Đại hội đã thống nhất thông qua Biên Bản, Nghị quyết Đại hội với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 100%/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không đồng ý : 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Không có ý kiến: 0 %/ tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết

Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2015 của Quỹ Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFVN30) đã kết thúc tốt đẹp vào lúc .09. giờ .45 phút ngày 05 tháng 04 năm 2016.

Ban thư ký

NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH **TRẦN NGỌC HÂN**

Chủ tọa Đoàn

NGUYỄN BỘI HỒNG LÊ **TRẦN THANH TÂN** **LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH**

Xác nhận của Công ty quản lý quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

TRẦN THANH TÂN
Tổng Giám đốc

Xác nhận của Ngân hàng giám sát

LÊ SỸ HOÀNG

Trưởng Phòng Nghiệp Vụ Chứng Khoán

QUỸ ETF VFMVN30 **(E1VFVN30)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---o0o---	**---o0o---**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2015
QUỸ ETF VFMVN30 (E1VFVN30)

- *Căn cứ Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;*
- *Căn cứ Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/12/2012 hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức & hoạt động của công ty Quản lý Quỹ;*
- *Căn cứ Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;*
- *Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016.*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 được thông qua ngày 19/03/2015;*
- *Căn cứ vào Biên bản Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2015 của Quỹ ETF VFMVN30 ngày 05/04/2016.*

QUYẾT NGHỊ

Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau:

Điều 1: Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2015

- Kết thúc ngày 31/12/2015, giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 đạt 9,516.8 đồng, tăng 2,2% so với giá trị đầu năm so với chỉ số tổng thu nhập VN30 có mức tăng trưởng giá cùng kỳ 2,5%.
- Mức chênh lệch về tăng trưởng giá của Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 đạt 0,3%. Mức sai lệch (Tracking Error) giữa Quỹ và chỉ số VN30 ở mức 1,39%.
- Vào tháng Một và tháng Bảy, Quỹ ETF VFMVN30 đã thực hiện việc cơ cấu danh mục đầu tư. Trung bình mỗi lần cơ cấu danh mục tổng giá trị mua và giá trị bán chiếm khoảng 20% tổng giá trị danh mục.
- Trong năm 2015, tổng số vốn huy động ròng của Quỹ ETF VFMVN30 đạt gần 180 tỷ đồng nâng số vốn của Quỹ lên gần 380 tỷ đồng.

Tăng trưởng giá trị vốn hóa của Quỹ trong năm 2015 gần 90% so với năm 2014. Sự tăng trưởng về vốn hóa trong năm 2015 phần lớn đến từ sự tham gia đầu tư mới của các nhà đầu tư nước ngoài vào Quỹ.

Điều 2: Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán của Quỹ

Đại hội thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán của Quỹ.

Điều 3: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015

Đại hội thông qua việc Quỹ ETF VFMVN30 không phân phối lợi nhuận năm 2015, do Quỹ vẫn chưa đủ điều kiện để phân phối lợi nhuận theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2016

Để thực hiện mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu, Quỹ ETF VFMVN30 sẽ tiếp tục tập trung những điểm chính như sau:

- Theo dõi và cập nhật diễn biến về giá trị giao dịch, sự kiện doanh nghiệp các cổ phiếu cấu thành nên chỉ số tham chiếu để có những điều chỉnh tỷ trọng danh mục đầu tư bám sát tỷ trọng danh mục chỉ số.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sai lệch giữa Quỹ và chỉ số tham chiếu (nếu có) để có giải pháp quản lý danh mục mô phỏng đạt hiệu quả.

Nghiên cứu các chiến lược quản lý danh mục hiệu quả khi chỉ số tham chiếu thay đổi định kỳ.

Khi thị trường xuất hiện các phương tiện đầu tư mới (chứng khoán phái sinh, các sản phẩm trái phiếu mới), quỹ VFMVFB sẽ thực hiện nghiên cứu để tìm cơ hội đầu tư.

Điều 5: Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2016

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán như đã đề xuất để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2016.

Điều 6: Tổng ngân sách hoạt động trong năm 2016 của Ban đại diện quỹ

Ngân sách hoạt động của Ban đại diện Quỹ dự kiến trong năm 2016 cụ thể như sau:

STT	Loại chi phí	Ngân sách 2016	Thực tế 2015	% tăng/ giảm
I	***Thù lao***	***58,500,000***	***58,500,000***	***0%***
II	***Chi phí đi lại***		**-**	
1	Chi phí vé máy bay		-	
2	Chi phí khách sạn		-	
3	Chi phí đưa rước		-	
III	***Chi phí khác*** *(Phòng họp…)*		**-**	
	Tổng cộng	**58,500,000**	**58,500,000**	***0%***

(% tăng/ giảm: là tỷ lệ % ngân sách mới 2016 được lập tăng/giảm so với thực tế 2015)

Ghi chú:

- Ngân sách 2016 dự kiến so với thực tế 2015 và được lập trên cơ sở sau:
  - Tất cả các số lần họp Ban Đại Diện được tổ chức qua conference call.
- Ngân sách chi phí hoạt động của Ban Đại Diện 2016 trên sẽ dùng cho 3 thành viên và 1 thư ký, với chi tiết thù lao của các thành viên BDD vẫn giữ nguyên như sau:
  - Chủ tịch BDD: Thù lao 2 triệu đồng/tháng
  - Thành viên BDD: Thù lao 1 triệu đồng/tháng
  - Thư ký BDD: Thù lao 500 nghìn đồng/tháng
- Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức chi phí cấu thành ngân sách nêu trên.

Điều 7: Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30

1. **Điều chỉnh, bổ sung Phần 1 – CĂN CỨ PHÁP LÝ**: cập nhật văn bản pháp luật mới

   1. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

   Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

   …

   - ***Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;***

     …

   - ***Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016.***

     …

   - Thông tư số ~~52/2012/TT-BTC~~ ***155/2015/TT-BTC*** ngày ~~5 tháng 4 năm 2012~~ ***6 tháng 10 năm 2015*** của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

2. **Điều chỉnh, bổ sung Phần 2 – CÁC ĐỊNH NGHĨA**: điều chỉnh định nghĩa "Ngân hàng giám sát và lưu ký", "Chỉ số tham chiếu VN30", "Chỉ số tổng thu nhập VN30 (VN30-TRI)", "Chứng khoán cơ cấu", "Danh mục chứng khoán cơ cấu" cho phù hợp.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Ngân hàng giám sát và lưu ký"	(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng giám sát) là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 08/9/2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số ~~37/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 16/12/2008~~. ***08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015***, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền

	và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của ~~Điều lệ~~ này.
~~"Chỉ số tham chiếu VN30"~~	~~Là chỉ số theo quy mô vốn hóa, gồm 30 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số này do HOSE xây dựng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.~~
~~"Chỉ số tham chiếu tổng thu nhập VN30" (VN30-TRI)~~	~~Là chỉ số theo quy mô vốn hóa, gồm 30 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số này do HOSE xây dựng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành. Chỉ số này thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tính toán để tái đầu tư vào chỉ số VN30 và được ký hiệu VN30-TRI (VN30 – Total Return Index). Danh mục chỉ số tổng thu nhập VN30 chính là danh mục chỉ số giá VN30 và chỉ khác chỉ số giá VN30 ở việc tính giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần trong chỉ số.~~ ~~Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.~~
~~"Chứng khoán cơ cấu"~~	~~Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu VN30-TRI.~~
~~"Danh mục chứng khoán cơ cấu"~~	~~Là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ VFM chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:~~ ~~a) Bao gồm tối thiểu 85% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu VN30-TRI. (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu).~~ ~~b) Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30-TRI.~~ ~~c) Khi HOSE thực hiện thay đổi định kỳ hoặc bất thường danh mục chỉ số VN30-TRI thì số chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi có thể thấp hơn 85% số chứng khoán của chỉ số tham chiếu VN30-TRI. (nhưng vẫn đảm bảo tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu) và/hoặc giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu có thể thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30-TRI.~~

3. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 7- Ngân hàng giám sát:</u> cập nhật giấy phép của Ngân hàng giám sát

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) là là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số ~~37~~08/UBCK-GCN do Uỷ Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ~~16/12/2008~~ ***07/05/2015***, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

…

4. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 8- Mục tiêu đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số ***tổng thu nhập*** ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số ***VN30-TRI*** là chỉ số ***tổng thu nhập*** ~~giá (price~~ ***total return*** index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

5. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 9- Chiến lược đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ ETF VFMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số ***VN30-TRI*** có sự thay đổi thì Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số ***VN30-TRI*** về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI***. Danh mục chứng khoán của chỉ số ***VN30-TRI*** bao gồm 30 cổ phiếu đang được niêm yết trên HOSE. Danh sách 30 cổ phiếu đã được sàng lọc qua các điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float), vốn hoá thị trường và giá trị giao dịch. Khi HOSE thay đổi định kỳ (rebalancing) hoặc thay đổi bất thường danh mục chỉ số ***VN30-TRI***, tỷ lệ tài sản đầu tư của Quỹ vào danh mục chứng khoán có thể biến động dưới 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI***.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư:

Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF VFMVN30 có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF VFMVN30 có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** và chiến lược đầu tư của Quỹ.

3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30:
   a. Cổ phiếu niêm yết và giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam;
   b. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ ***bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng*** tại các ~~ngân hàng thương mại~~ ***tổ chức tín dụng*** đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt;
   c. Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
   d. ***Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ***~~Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán trong danh mục của Quỹ ETF VFMVN30.~~

6. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 11- Phương pháp lựa chọn đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

~~Để~~ mô phỏng chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI***, về nguyên tắc Quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** theo tỷ lệ tương ứng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp Quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu tương ứng với tỷ trọng trong chỉ số tham chiếu. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể chọn phương pháp nâng tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số mà có độ tương quan cao với chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI***, sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Quỹ ETF VFMVN30 có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số ~~tham chiếu~~ ***VN30-TRI*** tại kỳ xem xét tiếp theo.

7. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điểm d Khoản 1, Điểm c-d Khoản 2, Điểm c Khoản 3, Điểm a Khoản 4, Điểm b-c Khoản 5 và Khoản 9- Điều 16- Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp):</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới.

Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp)

1. Việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 áp dụng cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện theo nguyên tắc sau:

   …

   Nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền và/hoặc bằng các tài sản khác cho Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối. Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối có trách nhiệm mua đủ danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF cho Nhà đầu tư. Cách thức thực hiện dựa trên quy định của Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

   ~~Ngày giao dịch hoán đổi đầu tiên sẽ được thực hiện sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực và được Công ty quản lý quỹ thông báo đến nhà đầu tư.~~ Tần suất giao dịch hoán đổi ~~được tổ chức~~ ***của Quỹ ETF VFMVN30 là*** ~~định kỳ hàng tuần, vào ngày Thứ Ba~~ ***hàng ngày***.Thời gian giao dịch cụ thể trong phiên giao dịch tại ngày giao dịch hoán đổi được thực hiện theo Thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.

   ~~Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản cáo bạch, công bố thông tin theo quy định pháp luật và trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ sẽ cập nhật phần thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội thường niên gần nhất.~~

   Việc giảm tần suất giao dịch…

2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

   …

c. Trong vòng ~~hai~~ ***một*** (~~02~~***01***) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, VSD sẽ hoàn tất việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 vào tài khoản của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư hoặc ngược lại. Việc tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại khoản 3 Điều này và được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và VSD xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

d. Trong vòng tối đa ~~hai~~ ***một*** (~~02~~***01***) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ phải thông báo cho VSD và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSD. Quá thời hạn nêu trên, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.

…

3. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ ETF VFMVN30 và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trừ trường hợp:

...

c. Trường hợp trong danh mục chứng khoán cơ cấu có những mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, ***nhà đầu tư*** bị hạn chế đầu tư hoặc Thành viên lập quỹ, ***nhà đầu tư*** chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, ***khi đó*** Thành viên lập quỹ, ***nhà đầu tư*** được thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

4. Trường hợp Quỹ ETF VFMVN30 tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại thời điểm ~~9 giờ 30~~ ***16 giờ*** ngày làm việc thứ ~~hai~~***nhất*** kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+~~2~~***1***)), hoặc dẫn tới Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó, thì VSD sẽ có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ VFM và yêu cầu Công ty quản lý quỹ VFM, Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

a. Trường hợp là ~~nhà đầu tư~~ ***pháp nhân, cá nhân*** nước ngoài, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho ***Thành viên lập quỹ***, nhà đầu tư bằng hình thức chuyển khoản.

…

5. Công ty quản lý có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 từ ***Thành viên lập quỹ***, nhà đầu tư ***do*** một trong các trường hợp sau:

a. ...

b. Tổ chức phát hành chứng khoán ***có*** trong danh mục đầu tư ~~chiếm từ 1% NAV~~ của Quỹ ETF VFMVN30 bị phá sản, giải thể, bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30 không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;

c. ***Quỹ*** cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;

...

9. Phí phát hành, phí mua lại:

a. Phí phát hành: là phí mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Phí này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.

- Phí phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ ***được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và*** ~~là 0%~~ ***không vượt quá 0,5%*** ~~trên~~ giá trị giao dịch.
- ***Phí phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.***
- Phí phát hành áp dụng đối với nhà đầu tư ***không vượt quá 1%*** ~~là 0% trên~~ giá trị giao dịch.

Các mức phí cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.

b. Phí mua lại: là phí mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ.

- ***Phí mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.***

- ***Phí mua lại áp dụng đối với áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.***
- ***Phí mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.***

Các mức phí cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác

Phí này sẽ được cấn trừ vào số tiền chênh lệch (trường hợp giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 lớn hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu). Nếu số tiền chênh lệch nhỏ hơn phí mua lại thì Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải đảm bảo phần chênh lệch tiền còn thiếu này được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF tại ngân hàng giám sát, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

~~- Đối với nhà đầu tư là 0,15% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.~~

~~- Đối với Thành viên lập quỹ là 0,1% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.~~

~~Đối với Thành viên lập quỹ làm thành viên tạo lập thị trường là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.~~

~~c.~~ Việc điều chỉnh mức phí phát hành và phí mua lại áp dụng đối với Thành viên lập *quỹ và Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường* được thực hiện theo *thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ, Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường.* ~~Thông báo của Công ty quản lý quỹ và luôn đảm bảo không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch. Mức phí mới này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch và Điều lệ Quỹ tại kỳ Đại hội thường niên gần nhất.~~

d. Việc tăng mức phí phát hành và phí mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi mức phí sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức phí mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày ~~Bản cáo bạch, Điều lệ này đã được sửa đổi, bổ sung quy định về mức phí mới, thời điểm áp dụng và các tài liệu này đã được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành~~ *công ty quản lý quỹ công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của công ty.*

e. Trường hợp giảm mức phí phát hành và phí mua lại áp dụng đối với nhà đầu so với quy định tại Điều này, thời điểm áp dụng mức phí mới sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bản cáo bạch công bố về mức phí mới, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm cập nhật mức phí mới này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội thường niên gần nhất.

8. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 18- Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi:</u> điều chỉnh cho phù hợp

Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi

1. Giá phát hành lần đầu: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.
2. Giá giao dịch hoán đổi: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại.
   a. Giá giao dịch hoán đổi ***mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận*** danh mục chứng khoán cơ cấu ***đồng thời phát hành*** ~~lấy~~một lô chứng chỉ quỹ ***cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư*** (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
   b. Giá giao dịch hoán đổi ***mà Công ty quản lý quỹ mua lại*** một lô chứng chỉ quỹ ***đồng thời*** ~~lấy~~ ***hoàn trả*** danh mục chứng khoán cơ cấu ***cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư*** (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

9. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 2 Điều 20- Đại hội nhà đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 20. Đại hội nhà đầu tư

1. …

~~2.~~ Đại hội nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc ~~theo hình thức khác do Ban đại diện quỹ quyết định~~ ***lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Họp Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gởi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử. Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ thông qua quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có)***.

…

10. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 4, Khoản 5 Điều 21- Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

4. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát ***và phương án phân phối lợi nhuận***, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 61 của Điều lệ này;
5. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; ~~phương án phân phối lợi nhuận,~~ tăng mức phí trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;

11. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 1, Khoản 2 Điều 22- Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội nhà đầu tư phải được ~~thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) cho nhà đầu tư~~ ***công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*** và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại hội.
2. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Hình thức tham dự ~~Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác~~ ***và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền trong trường hợp sau đây:***
    - ***Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;***
    - ***Ủy quyền cho một người khác hoặc ủy quyền cho Ban đại diện quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;***
    - ***Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác.***
    - ***Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác.***

…

12. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 23- Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. …
2. …
3. ***Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, quyết định tại cuộc họp của đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành***. ~~Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, quyết định của Đại hội nhà đầu tư tại cuộc họp được thông qua khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:~~

   ~~Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết;~~

   ~~Tổng số phiếu của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận không ít hơn 30% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết;~~
4. Đối với các nội dung quy định tại khoản 5, 6 Điều 21 của Điều lệ này ***phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp,*** quyết định của Đại hội nhà đầu tư tại cuộc họp được thông qua ~~khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:~~ ***khi số nhà đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.***
   a. ~~Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết;~~
   b. ~~Tổng số phiếu của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận không ít hơn 40% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết;~~

   ~~Trường hợp cuộc họp Đại hội nhà đầu tư tổ chức theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này và số nhà đầu tư tham dự đại hội đại diện cho dưới năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi đáp ứng điều kiện tương ứng quy định tại điểm a khoản 3 hoặc điểm a khoản 4 Điều này.~~
5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua ***khi số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành*** ~~nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành thông qua~~
6. Công ty quản lý quỹ và ~~Ngân hàng giám sát~~ ***Ban Đại DIện Quỹ*** có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này. Trong trường

hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lại lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản

7. Trong thời hạn ***hai mươi bốn (24) giờ*** ~~bảy (07) ngày~~ sau khi ~~kết thúc Đại hội nhà đầu tư~~ ***thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư*** hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp ***hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và*** Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát và ~~cung cấp cho nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.~~ ***thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.***
8. Những quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và nhà đầu tư về việc Nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

13. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 7, Điều 24- Ban đại diện quỹ:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 24. Ban đại diện quỹ

…

7. Công ty quản lý quỹ phải ***thực hiện báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán***.~~thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện cho nhà đầu tư và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và Ngân hàng giám sát.~~

14. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 9, 23, 24 Điều 26- Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

…

9. Phê duyệt nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các ***tổ chức tín dụng*** ~~ngân hàng~~ nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;

…

23. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban đại diện quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 22 Điều này, Ban đại diện, thông qua Công ty quản lý quỹ, phải gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước, Ngân hàng giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban đại diện quỹ, đồng thời ~~cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống Đại lý phân phối của Quỹ.~~ ***thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.***
24. ***Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của quỹ đại chúng***.

15. <u>Điều chỉnh, bổ sung tiết ii điểm c khoản 1 Điều 32- Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ:</u> điều chỉnh cho phù hợp..

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

   ...

   c. Khi quản lý tài sản của quỹ, Công ty quản lý quỹ phải:

   i. ...

   ii. Trường hợp đầu tư tiền gửi cho quỹ, Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được Ban đại diện quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ ***hàng tháng*** đối soát ***số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi*** với ngân hàng nhận tiền gửi;

   ...

16. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 2 Điều 47- Hoạt động của Đại lý phân phối:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới.

Điều 47. Hoạt động của Đại lý phân phối

1. ...
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh

giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. ***Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.***

...

17. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 2 Điều 50- Chế độ kế toán & báo cáo tài chính:</u> điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật mới

Điều 50. Chế độ kế toán & báo cáo tài chính

1. ...
2. Báo cáo tài chính
   - Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
   - ***Báo cáo tài chính bán niên /báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên***/~~Các báo cáo tài chính sẽ được~~ kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

...

18. <u>Điều chỉnh, bổ sung Khoản 5 Điều 51- Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ:</u> điều chỉnh cho phù hợp

Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

...

5. Công ty quản lý quỹ bảo đảm mức sai lệch xác định theo công thức:

Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$\mathrm{TE_t} = \sqrt{\mathrm{n}}\sqrt{\frac{1}{\mathrm{n}-1}\sum_{\mathrm{i}=-\mathrm{n}}^{-1}(\mathrm{R_i}-\overline{\mathrm{R}})^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của 1 lô chứng chỉ quỹ ETF (NAV/CU) và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

~~$$R_t = ln\left[\frac{NAV/CU_t}{NAV/CU_{t-1}}\right] - ln\left[\frac{VN30_t}{VN30_{t-1}}\right],$$~~

$$\mathrm{R_i} = \ln\left[\frac{(\mathrm{NAV/CU})_i}{(\mathrm{NAV/CU})_{i-1}}\right] - \ln\left[\frac{(\mathrm{VN30-TRI})_i}{(\mathrm{VN30-TRI})_{i-1}}\right],$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n}\sum_{\mathrm{i}=-\mathrm{n}}^{-1}\mathrm{R_i}$$

n = 26

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

....

19. <u>Điều chỉnh, bổ sung Điều 55- Các loại phí do Quỹ trả:</u> điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 55. Các loại phí do Quỹ trả

1. Phí quản lý quỹ

…

2. Phí lưu ký và giám sát
   - Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
   - Phí giám sát là 0,02% NAV/năm ***(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).***

   ...
3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ
   - Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ ETF VFMVN30 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

- Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,035% NAV/năm ***(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).***

...

Tổng phí Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng là 42 triệu/tháng ***(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có))*** trong hai năm đầu tiên và từ năm thứ ba trở đi thì mức phí tối thiểu này là 50 triệu/tháng.

Tổng phí Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ Quản trị quỹ hàng tháng tối đa là 0.5% NAV/***bình quân gia quyền***/năm ***(chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có))***

Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu nêu trên.

4. Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng
   - Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa là 0,02% NAV ***bình quân gia quyền*** /năm. Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng để thực hiện các dịch vụ đại lý chuyển nhượng được nêu tại Điều lệ của Quỹ ETF VFMVN30. Mức phí chi tiết sẽ được thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và đơn vị cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, và công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo mức phí áp dụng khi có sự thay đổi với Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng giám sát, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng áp dụng cho giai đoạn ngay sau khi quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ sẽ được công ty quản lý quỹ thông báo cho Ban đại diện Quỹ, Ngân hàng giám sát và cập nhật trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ trước kỳ định giá đầu tiên.
   - Mức phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 5 triệu đồng mỗi tháng ***(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).***

   ...
5. Phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu
   - Phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối đa là 0,02% NAV ***bình quân gia quyền*** /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm ***(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).*** Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.

   ...
6. Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)
   - Phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu tối đa là 0,02% NAV ***bình quân gia quyền*** /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm ***(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).***. Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

   ...
7. Các loại phí và lệ phí khác

   ...

20. <u>Điều chỉnh, bổ sung khoản 1 Điều 62- Đăng ký Điều lệ:</u> điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 62. Đăng ký Điều lệ

1. ….

Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ ba bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư ngày 05/04/2016, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/04/2016.

Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền của Công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.

21. <u>Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 2- Cam kết của Ngân hàng Giám sát:</u> cập nhật giấy phép của Ngân hàng giám sát.

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Số Giấy phép Thành lập và hoạt động: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: ~~37/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 16/12/2008~~. ***08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015.***

22. <u>Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 3- CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT:</u> cập nhật giấy phép của Ngân hàng giám sát.

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Số Giấy phép Thành lập và hoạt động: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: ~~37/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 16/12/2008~~. ***08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015.***

Điều 8: Hiệu lực Nghị quyết Đại hội

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. Đại hội nhà đầu tư	**Đại diện Công ty quản lý quỹ**
Chủ tịch Ban đại diện quỹ	**Tổng Giám đốc**
NGUYỄN BỘI HỒNG LÊ	**TRẦN THANH TÂN**

QUỸ ETF VFMVN30

---o0o---

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2016

MỤC LỤC

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ 5

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA 6

CHƯƠNG I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG 11

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ 11

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ 11

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức 11

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 chào bán lần đầu 11

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ 12

Điều 6. Công ty quản lý quỹ 12

Điều 7. Ngân hàng giám sát 12

CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ 12

Điều 8. Mục tiêu đầu tư 12

Điều 9. Chiến lược đầu tư 13

Điều 10. Hạn chế đầu tư 13

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư 14

CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 14

Điều 12. Nhà đầu tư 14

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư 15

Điều 14. Tiêu chí, điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với nhà đầu tư 15

Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư 15

Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp) 16

Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp) 21

Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi 21

Điều 19. Chuyển nhượng phi thương mại 22

CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 22

Điều 20. Đại hội nhà đầu tư 22

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư 22

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư 23

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư 23

CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 24

Điều 24. Ban đại diện quỹ 24

Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ 24

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ 24

Điều 27. Chủ tịch Ban đại diện quỹ 26

Điều 28. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ 26

Điều 29. Cuộc họp Ban đại diện quỹ 26

Điều 30. Biên bản họp Ban đại diện quỹ 27

CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 27

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ 27

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ 27
Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ 30
Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ 30
CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 31
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát 31
Điều 36. Quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ngân hàng giám sát 32
Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát 33
CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 34
Điều 38. Các hoạt động được ủy quyền 34
Điều 39. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 34
Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 34
Điều 41. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 35
Điều 42. Chấm dứt hoạt động ủy quyền 36
CHƯƠNG IX. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG 36
Điều 43. Điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ 36
Điều 44. Quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ 36
Điều 45. Tổ chức tạo lập thị trường 37
CHƯƠNG X. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 38
Điều 46. Điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ 38
Điều 47. Hoạt động của Đại lý phân phối 38
CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 38
Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán 38
Điều 49. Năm tài chính 39
Điều 50. Chế độ kế toán & báo cáo tài chính 39
CHƯƠNG XII. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ 39
Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 39
Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 40
CHƯƠNG XIII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 43
Điều 53. Thu nhập của quỹ 43
Điều 54. Phân phối lợi nhuận 44
Điều 55. Các loại phí do Quỹ trả 44
Điều 56. Chi phí hoạt động của quỹ 47
CHƯƠNG XIV. GIẢI THỂ QUỸ 47
Điều 57. Các điều kiện giải thể Quỹ 47
Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ 49
CHƯƠNG XV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH 50
Điều 59. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ 50
CHƯƠNG XVI. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ 50
Điều 60. Công bố thông tin 50
Điều 61. Thay đổi Điều lệ 51

Điều 62. Đăng ký Điều lệ 51
Điều 63. Điều khoản thi hành 51
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 53
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 54
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 55

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012;
- Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2014;
- Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016.
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ;
- Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Thông tư số 213/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của "Quy chế hành nghề chứng khoán" được ban hành kèm theo quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Quỹ ETF VFMVN30"	Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.
"Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam – VietFund Management (VFM)"	(Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ VFM) là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management Limited, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ VFM được nhà đầu tư uỷ thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy đinh tại Chương VI của Điều lệ này.
"Dragon Capital Management Limited"	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
"Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sacombank"	(Sau đây gọi tắt là Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301103908 do Sở Kế hoạch đầu tư TP. HCM cấp lần đầu vào ngày 13/01/1992, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
"Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM"	(Sau đây gọi tắt là HOSE) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
"Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội"	(Sau đây gọi tắt là HNX) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
"Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam"	(Sau đây gọi tắt là VSD) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm một thành viên hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
"Ngân hàng giám sát và lưu ký"	(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng giám sát) là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 08/9/2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này.
"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ ETF VFMVN30, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF VFMVN30 và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội nhà đầu tư chỉ định.
"Thành viên lập quỹ"	Là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh hoặc Ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF VFMVN30 với Công ty quản lý quỹ VFM.
"Tổ chức tạo lập thị trường"	Là Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ VFM lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF VFMVN30. Công ty

	quản lý quỹ VFM có thể chỉ định một hoặc một số Thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường của Quỹ ETF VFMVN30.
"Đại lý phân phối"	Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 với Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ.
"Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan"	Là Ngân hàng giám sát, VSD cung cấp một hoặc một số các dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
"Điều lệ quỹ"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều lệ quỹ lần đầu do Công ty quản lý quỹ xây dựng theo mẫu quy định tại Thông tư số 229/2012/TT-BTC. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ quỹ ETF được coi là đã thông qua Điều lệ lần đầu này.
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ VFM và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.
"Đại hội nhà đầu tư"	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF VFMVN30. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF VFMVN30.
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30, Công ty quản lý quỹ VFM và Ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30 tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
"Chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30"	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF VFMVN30 . Mệnh giá chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
"Lô chứng chỉ quỹ"	Một lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ. Lô chứng chỉ quỹ ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF VFMVN30 và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô chứng chỉ quỹ ETF tuy nhiên vẫn phải bảo đảm một lô có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ.
"Chỉ số tổng thu nhập VN30" (VN30-TRI)	Là chỉ số theo quy mô vốn hóa, gồm 30 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số này thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tính toán để tái đầu tư vào chỉ số VN30 và được ký hiệu VN30-TRI (VN30 – Total Return Index). Danh mục chỉ số tổng thu nhập VN30 chính là danh mục chỉ số giá VN30 và chỉ khác chỉ số giá VN30 ở việc tính giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần trong chỉ số.. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE

“Chứng khoán cơ cấu”	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số VN30-TRI.
“Danh mục chứng khoán cơ cấu”	Là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ VFM chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: a) Bao gồm tối thiểu 85% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số VN30-TRI (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu). b) Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số VN30-TRI. c) Khi HOSE thực hiện thay đổi định kỳ hoặc bất thường danh mục chỉ số VN30-TRI thì số chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi có thể thấp hơn 85% số chứng khoán của chỉ số VN30-TRI (nhưng vẫn đảm bảo tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu) và/hoặc giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu có thể thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số VN30-TRI.
“Giá phát hành lần đầu”	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.
“Giá giao dịch hoán đổi”	Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại. Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi. Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
“Giá trị giao dịch”	Giá trị giao dịch trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng, bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ được phân phối. Giá trị giao dịch trong giao dịch hoán đổi, bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ giao dịch hoán đổi.
“Phí phát hành”	Là phí mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Phí này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Phí phát hành này sẽ được quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.

“Phí mua lại”	Là phí mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Phí mua lại này sẽ được quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.
“Lợi tức quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ ETF VFMVN30 sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.
“Ngày đóng Quỹ”	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ ETF VFMVN30 theo quy định của pháp luật hiện hành, được áp dụng cho đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF VFMVN30 sẽ được tính từ ngày Quỹ ETF VFMVN30 được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó hoặc đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ”	Là tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng nợ phải trả của Quỹ ETF VFMVN30 là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của quỹ ETF VFMVN30.
“Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ”	Bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30.
“Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ”	Bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30.
“Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ”	(Sau đây gọi tắt là iNAV) là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 được xác định trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất, trong phiên giao dịch. Giá trị này được tính và cung cấp bởi Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ VFM và trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30 theo quy định pháp luật hiện hành.
“Hoán đổi danh mục”	Là việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ ETF VFMVN30 và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ này**.**

“Lệnh giao dịch hoán đổi”	Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30, và lệnh bán, trong đó Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu.
“Ngày giao dịch hoán đổi”	Là ngày định giá mà Quỹ ETF VFMVN30, thông qua Công ty quản lý quỹ VFM, phát hành và mua lại các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong ngày giao dịch hoán đổi của Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM và được quy định cụ thể trong Bản cáo bạch. Trong trường hợp có thay đổi thời điểm đóng sổ lệnh Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo trước trên trang thông tin điện tử và cập nhật vào Bản cáo bạch.
“Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư”	Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng đã ký với Công ty quản lý quỹ;
“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”	Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Lập và quản lý Sổ đăng ký nhà đầu tư, hệ thống các tài khoản của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư; Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; - Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ đăng ký nhà đầu tư; - Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan

Chương I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên Quỹ đầu tư:	Quỹ ETF VFMVN30
Tên tiếng Anh:	VFMVN30 ETF
Địa chỉ liên hệ:	Phòng 1701 - 04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại:	+84 83825 1488
Fax:	+84 83825 1489
Website:	www.vinafund.com

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 được tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký lập Quỹ với cơ quan có thẩm quyền, và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức

1. Quỹ ETF VFMVN30 là quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ và được niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ ETF VFMVN30 có nghĩa vụ thực hiện việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ ETF VFMVN30 và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành và các điều kiện quy định tại Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.
3. Tài sản của Quỹ ETF VFMVN30 được lưu ký và giám sát bởi Ngân hàng giám sát.
4. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF VFMVN30 là Đại hội nhà đầu tư.
5. Ban đại diện quỹ ETF VFMVN30 sẽ do Đại hội nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ ETF VFMVN30, Công ty quản lý quỹ VFM và Ngân hàng giám sát.
6. Công ty quản lý quỹ VFM do Đại hội nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 chào bán lần đầu

1. Tổng vốn của Quỹ ETF VFMVN30 do vốn đóng góp của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư tạo thành.
2. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ, mỗi Thành viên lập quỹ đăng ký mua các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 theo thỏa thuận giữa Thành viên lập quỹ và Công ty quản lý quỹ VFM nhưng đảm bảo không thấp hơn một (01) lô chứng chỉ quỹ.
3. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ ETF VFMVN30 của các Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thực hiện bằng danh mục chứng khoán cơ cấu. Danh mục chứng khoán cơ cấu và số lượng các lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 phân phối cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được xác định trên cơ sở chỉ số tham chiếu của ngày cuối cùng của giai đoạn đăng ký góp vốn.
4. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ ETF VFMVN30 bổ sung bằng tiền sẽ phát sinh trong những trường hợp sau đây:
    a. Phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30;
    b. Những mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành viên lập quỹ chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan; và
    c. Trường hợp chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu (DMCKCC) góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp (cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ tức bằng tiền, quyền mua).

    Phương thức thanh toán bằng tiền nêu trên của nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

5. Trình tự thủ tục điều kiện, đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ ETF VFMVN30 được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.
6. Toàn bộ danh mục chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được phong tỏa tại VSD. Ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, các tài sản này được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30 mở tại Ngân hàng giám sát.
7. Vốn điều lệ đã huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ ETF VFMVN30 là hai trăm lẻ hai (202) tỷ đồng Việt Nam và tương ứng với hai trăm lẻ hai (202) lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30. Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là mười ngàn (10.000) đồng.
8. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ VFM sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

1. Quỹ ETF VFMVN30 chỉ định Công ty quản lý quỹ VFM làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ VFM được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ VFM là một Công ty cổ phần với cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của Ủy ban chứng khoán nhà nước. Công ty quản lý quỹ VFM là Công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ ETF VFMVN30. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).

Công ty quản lý quỹ VFM có trụ sở chính tại:

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.

Điện thoại: (84-8)-3825 1488 Fax: (84-8)-3825 1489

Website: www.vinafund.com

Và chi nhánh tại:

Phòng 903, Tầng 9, Tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-4) 3942 8168 Fax: (84-4) 3942 8169

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) là là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/UBCK-GCN do Uỷ Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này

Văn phòng chính: P1810 - P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-4) 3936 8000 Fax: (84-4) 3248 4355

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tổng thu nhập VN30 (VN30-TRI) sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30-TRI là chỉ số tổng thu nhập (total return index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ ETF VFMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30-TRI có sự thay đổi thì Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30-TRI về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số VN30-TRI. Danh mục chứng khoán của chỉ số VN30-TRI bao gồm 30 cổ phiếu đang được niêm yết trên HOSE. Danh sách 30 cổ phiếu đã được sàng lọc qua các điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float), vốn hoá thị trường và giá trị giao dịch. Khi HOSE thay đổi định kỳ (rebalancing) hoặc thay đổi bất thường danh mục chỉ số VN30-TRI, tỷ lệ tài sản đầu tư của Quỹ vào danh mục chứng khoán có thể biến động dưới 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số VN30-TRI.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư:

Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF VFMVN30 có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF VFMVN30 có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của chỉ số VN30-TRI và chiến lược đầu tư của Quỹ.

3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30:

   a. Cổ phiếu niêm yết và giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam;

   b. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng tại các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt;

   c. Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;

   d. Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 9 Điều lệ này và Bản cáo bạch.

2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 phải đa dạng và đảm bảo:

   a. Không đầu tư vào quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;

   b. Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;

   c. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;

   d. Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

   e. Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;

   f. Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;

   g. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

3. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động của quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

4. Cơ cấu đầu tư của quỹ quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

   a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

   b. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, thâu tóm, chào mua công khai của các tổ chức phát hành;

   c. Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;

   d. Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; thực hiện các hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 229/2012/TT-BTC;

   e. Quỹ đang trong thời gian thanh lý, giải thể hoặc thời gian hoạt động của quỹ tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực chưa quá chín mươi (90) ngày.

5. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b,c và d khoản 4 Điều này, Công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này và Điều lệ này.

6. Trường hợp sai lệch là do Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

7. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 229/2012/TT-BTC, đồng thời thông báo cho Ủy ban chứng khoán nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại gây ra cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian và kết quả khắc phục. Thông báo phải có ý kiến xác nhận của Ngân hàng giám sát.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Để mô phỏng chỉ số VN30-TRI, về nguyên tắc Quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục chỉ số VN30-TRI theo tỷ lệ tương ứng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp Quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu tương ứng với tỷ trọng trong chỉ số tham chiếu. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể chọn phương pháp nâng tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số mà có độ tương quan cao với chỉ số VN30-TRI để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số VN30-TRI, sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Quỹ ETF VFMVN30 có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số VN30-TRI hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số VN30-TRI khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số VN30-TRI tại kỳ xem xét tiếp theo.

Chương III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 12. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu ít nhất là một (01) chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu. Nhà đầu tư là pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận.

2. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30. Việc tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ ETF VFMVN30.

4. Công ty quản lý quỹ và người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền:
   a. Được chia lợi nhuận của Quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư dựa trên cơ sở quy định tại Điều 54 của Điều lệ này.
   b. Được quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ VFM thay mặt Quỹ ETF VFMVN30 thực hiện việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại theo quy định tại Điều lệ này.
   c. Được chuyển nhượng hoặc bán chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
   d. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số chứng chỉ quỹ nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).
   e. Nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về giá trị tài sản ròng của Quỹ.
   f. Được ứng cử và bầu vào Ban đại diện quỹ khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên của Điều lệ này.
   g. Quyết định cùng với Đại hội nhà đầu tư các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ theo Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của của Điều lệ này;
   h. Các quyền khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ này.
2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ:
   a. Tuân thủ Điều lệ này, chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
   b. Thanh toán đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30, tiền mua chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ.

Điều 14. Tiêu chí, điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có sở hữu chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30, ngoại trừ trường hợp Nhà đầu tư thực hiện giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 bổ sung bằng tiền và/hoặc Thành viên lập Quỹ, Đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư.
2. Nhà đầu tư có sở hữu tối thiểu 01 (một) lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu.
3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ, nơi nhà đầu tư đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng có trách nhiệm lập Sổ đăng ký nhà đầu tư và xác nhận quyền sở hữu của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đối với số chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 đã đăng ký mua. Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký nhà đầu tư phải ghi đúng, đầy đủ các nội dung chủ yếu sau:
   a. Tên Quỹ ETF VFMVN30;
   b. Số Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ, tổng giá trị vốn huy động, thời hạn hoạt động của quỹ;
   c. Tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
   d. Thông tin nhà đầu tư:
      i. Đối với cá nhân: Họ và tên nhà đầu tư, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);

ii. Đối với tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ;

e. Số tài khoản lưu ký chứng khoán; số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 đăng ký sở hữu; kèm theo xác nhận của VSD về chi tiết danh mục chứng khoán cơ cấu của từng Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ ETF VFMVN30; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài);

f. Ngày đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ (vào Sổ chính);

g. Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải thực hiện đăng ký, lưu ký các lô chứng chỉ quỹ ETF cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư tại VSD. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 thực hiện theo hướng dẫn của VSD.

3. Số lượng các lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được VSD tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống của VSD theo hướng dẫn của VSD.

4. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại sổ chính.

5. Sổ đăng ký nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng và Công ty quản lý quỹ.

Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp)

1. Việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 áp dụng cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện theo nguyên tắc sau:

   a. Áp dụng cho nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện đã được quy định rõ tại Điều 14 của Điều lệ này và cho các Thành viên lập quỹ được nêu tại Bản cáo bạch hoặc theo thông báo cập nhật từ Công ty quản lý quỹ VFM;

   b. Giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư chỉ được thực hiện thông qua Thành viên lập quỹ, nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;

   c. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thực hiện giao dịch hoán đổi bổ sung bằng tiền trong những trường hợp sau đây:

      - Phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá giao dịch hoán đổi của lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30;

      - Những mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật liên quan. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện thông báo các mã chứng khoán hoán đổi bổ sung bằng tiền cho Công ty quản lý quỹ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện giải trình khi có yêu cầu từ phía cơ quan quản lý và công ty quản lý quỹ. Phương thức đăng ký, thực hiện sẽ được quy định cụ thể trong Bản cáo bạch; và

      - Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi của Quỹ ETF VFMVN30 do việc ghi nhận chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho giữa Quỹ ETF VFMVN30 và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa được thực hiện trong khoảng thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi.

        Phương thức, thủ tục điều kiện thanh toán bổ sung bằng tiền nêu trên được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

   d. Nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền và/hoặc bằng các tài sản khác cho Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối. Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối có trách nhiệm mua đủ danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF cho Nhà đầu tư. Cách thức

thực hiện dựa trên quy định của Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Tần suất giao dịch hoán đổi của Quỹ ETF VFMVN30 là hàng ngày.Thời gian giao dịch cụ thể trong phiên giao dịch tại ngày giao dịch hoán đổi được thực hiện theo Thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.

Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Nếu ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ Lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.

Ngày giao dịch hoán đổi có thể bị tạm ngừng theo quy định tại khoản 5, 6, 7 và 8 của Điều này.

e. Đơn vị giao dịch tối thiểu là một lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30, tương ứng với một trăm ngàn (100.000) chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30. Công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 sau khi đã công bố công khai tại Bản cáo bạch, tuy nhiên phải bảo đảm một lô chứng chỉ quỹ có không ít hơn 100.000 chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng lô chứng chỉ quỹ mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô lô chứng chỉ quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, VSD, Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ và các Đại lý phân phối (nếu có);

f. Chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 thực hiện giao dịch hoán đổi

- Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi là các chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM, thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.
- Chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 thực hiện giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.
- Chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:
  - Đối với Thành viên lập quỹ:
    - ✓ Các chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi.
    - ✓ Các chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 Thành viên lập quỹ đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSD với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản tạm giữ.
  - Đối với nhà đầu tư:
    - ✓ Các chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.

g. Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư sẽ được chuyển đến Thành viên lập quỹ (kể cả trường hợp nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch hoán đổi thông qua các Đại lý phân phối của Quỹ) và phải được tổ chức trực tiếp nhận lệnh giao dịch hoán đổi (Thành viên lập quỹ hoặc Đại lý phân phối) lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành viên lập quỹ sẽ được Thành viên lập quỹ lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Thành viên lập quỹ, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:

- Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;
- Phiếu lệnh gốc cần được gởi đến Thành viên lập quỹ trong vòng 03 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh.

h. Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tối thiểu các điều kiện sau:

- Được Thành viên lập quỹ chuyển tới tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh được xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quy trình được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch;
- Được Công ty quản lý quỹ xác nhận đủ điều kiện thực hiện, sau khi VSD bảo đảm Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số lô chứng chỉ quỹ để hoàn tất việc

thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán, ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này. Trường hợp bán chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30, số lượng chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 còn lại của Thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng lập quỹ ký với Công ty quản lý quỹ VFM.

i. Hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và Quỹ ETF VFMVN30 tại VSD. Việc chuyển khoản danh mục chứng khoán cơ cấu và chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 trong hoạt động thanh toán thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch và phù hợp với hướng dẫn của VSD.

j. Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:

a. Trước phiên giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở giao dịch chứng khoán, VSD về danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

b. Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được chuyển tới Thành viên lập quỹ trực tiếp hoặc thông qua các Đại lý phân phối theo quy định tại Điều lệ này và các hướng dẫn tại Bản cáo bạch. Trường hợp Thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ nhà đầu tư do Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được chuyển thẳng tới Công ty quản lý quỹ.

Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được Thành viên lập quỹ chuyển tới VSD trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của VSD.

c. Trong vòng một (01) ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, VSD sẽ hoàn tất việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 vào tài khoản của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư hoặc ngược lại. Việc tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại khoản 3 Điều này và được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và VSD xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

d. Trong vòng tối đa một (01) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ phải thông báo cho VSD và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSD. Quá thời hạn nêu trên, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.

e. Sau khi tiếp nhận lệnh của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư, VSD có trách nhiệm kiểm tra khả năng thực hiện được lệnh của khách hàng bảo đảm đáp ứng quy định tại điểm g khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của VSD.

3. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ ETF VFMVN30 và Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trừ trường hợp:

a. Khi hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30, giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30. Phần chênh lệch phát sinh được Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 mở tại Ngân hàng giám sát được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

b. Khi hoán đổi các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 lấy danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát thanh toán bằng tiền được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

c. Trường hợp trong danh mục chứng khoán cơ cấu có những mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, khi đó Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

4. Trường hợp Quỹ ETF VFMVN30 tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 của Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại thời điểm 16 giờ ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1)), hoặc dẫn tới Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó, thì VSD sẽ có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ VFM và yêu cầu Công ty quản lý quỹ VFM, Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

   a. Trường hợp là pháp nhân, cá nhân nước ngoài, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng hình thức chuyển khoản.

   b. Trường hợp hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, các nhà đầu tư này.

      Việc thanh toán tiền cho các Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại mục a, b nêu tại khoản này, phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định luật hiện hành. Khoản thanh toán cho nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

      Trong quá trình Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện bán các chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ nêu ở mục này nếu số chứng khoán này được hưởng cổ tức hoặc quyền mua thì Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện như sau:

      - Đối với cổ tức bằng tiền thì Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.
      - Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng thì Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.
      - Đối với quyền mua thì Công ty quản lý quỹ VFM sẽ sử dụng tiền từ việc bán số chứng khoán đó để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản quỹ thì quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

      Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc thực hiện việc bán thành công các cổ tức hoặc quyền này.

      Trên cơ sở thông báo của VSD, công ty quản lý quỹ VFM, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan sẽ thực hiện tính toán và phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên thời gian (FIFO), tiếp theo là tỷ lệ trên cơ sở khả năng thanh toán hiện có của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh. Ngay khi phát sinh, số lượng chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng. Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện việc thanh toán cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo kết quả tính toán và phân bổ của tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

      Trường hợp Quỹ có các lệnh mua/bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh mua sẽ được thực hiện trước lệnh bán chứng khoán để hoàn tiền lại cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trong các trường hợp nêu ở khoản này.

   c. Trường hợp là các nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ của nhà đầu tư đó, nhà đầu tư có trách nhiệm bán số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế

sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong Đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

5. Công ty quản lý có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư do một trong các trường hợp sau:
   a. Sở giao dịch chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu;
   b. Tổ chức phát hành chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 bị phá sản, giải thể, bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30 không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
   c. Quỹ cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
   d. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, VSD không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
   e. Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.
6. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 5 Điều này, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán. Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối phải nối lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
7. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi gần nhất. Trường hợp tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 16 của Điều lệ này, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi tối đa ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó, theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.
8. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 7 Điều này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư bằng văn bản về việc giải thể quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.
9. Phí phát hành, phí mua lại:
   a. Phí phát hành: là phí mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Phí này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.
      - Phí phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
      - Phí phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
      - Phí phát hành áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.
   b. Các mức phí cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác. Phí mua lại: là phí mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ.
      - Phí mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
      - Phí mua lại áp dụng đối với áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
      - Phí mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

Các mức phí cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác

Phí này sẽ được cấn trừ vào số tiền chênh lệch (trường hợp giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 lớn hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu). Nếu số tiền chênh lệch nhỏ hơn phí mua lại thì Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải đảm bảo phần chênh lệch tiền còn thiếu này được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF tại ngân hàng giám sát, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

c. Việc điều chỉnh mức phí phát hành và phí mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ, Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường.

d. Việc tăng mức phí phát hành và phí mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi mức phí sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức phí mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức phí mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

e. Trường hợp giảm mức phí phát hành và phí mua lại áp dụng đối với nhà đầu so với quy định tại Điều này, thời điểm áp dụng mức phí mới sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bản cáo bạch công bố về mức phí mới, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm cập nhật mức phí mới này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội thường niên gần nhất.

Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 trên Sở giao dịch chứng khoán *(*giao dịch thứ cấp)

1. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:

   a. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, VSD;

   b. Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 niêm yết;

   c. Chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Thành viên lập quỹ chỉ được bán chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 (bán chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán khi bảo đảm có đủ chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 (chứng khoán cơ cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của VSD. Số chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 (chứng khoán cơ cấu) này bao gồm số chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 (số chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của Thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 (số chứng khoán cơ cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở danh mục chứng khoán cơ cấu (số chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSD đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi

1. Giá phát hành lần đầu: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.

2. Giá giao dịch hoán đổi: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại.

   a. Giá giao dịch hoán đổi mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu đồng thời phát hành một lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

   b. Giá giao dịch hoán đổi mà Công ty quản lý quỹ mua lại một lô chứng chỉ quỹ đồng thời hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.

Điều 19. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế…) chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK được quy định tại Quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do VSD ban hành.
2. Việc cho, biếu, tặng, thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc cho, biếu, tặng, thừa kế hoặc người cho, biếu, tặng, thừa kế.
3. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc cho, biếu, tặng, thừa kế.

Chương IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ ETF VFMVN30. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong Danh sách đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
2. Đại hội nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Họp Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gởi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử. Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ thông qua quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).
3. Chi phí của Đại hội nhà đầu tư hàng năm và Đại hội nhà đầu tư lần đầu tiên do Quỹ thanh toán.
4. Đại hội nhà đầu tư bất thường
    a. Đại hội nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong những trường hợp sau:
        - Công ty quản lý quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;
        - Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành liên tục trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;
    b. Việc tổ chức Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư, trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký đầy đủ của các nhà đầu tư liên quan

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

1. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên của Ban đại diện quỹ;
2. Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ;
3. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
4. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát và phương án phân phối lợi nhuận, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 61 của Điều lệ này;
5. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức phí trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
6. Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;
7. Tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ; tách quỹ;
8. Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
9. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.
10. Quyết định giải thể quỹ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;

11. Các quyền khác theo quy định tại Điều 85 Luật chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội nhà đầu tư phải được công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại hội.
2. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Hình thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền trong trường hợp sau đây:
    - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
    - Ủy quyền cho một người khác hoặc ủy quyền cho Ban đại diện quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
    - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác.
    - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
4. Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản.
5. Đại hội nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
6. Tất cả cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, quyết định tại cuộc họp của đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.
4. Đối với các nội dung quy định tại khoản 5, 6 Điều 21 của Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, quyết định của Đại hội nhà đầu tư tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.
5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành
6. Công ty quản lý quỹ và Ban Đại DIện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lại lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản
7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát và thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Những quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và nhà đầu tư về việc Nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

Chương V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 24. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ ETF VFMVN30 đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, được Đại hội nhà đầu tư bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Ban đại diện quỹ ETF VFMVN30 có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diên quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát.
3. Trong Ban đại diện quỹ phải có:
   a. Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
   b. Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
   c. Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
4. Ban đại diện quỹ có nhiệm kỳ là ba (03) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội nhà đầu tư tiếp theo.
5. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban đại diện, thành viên Ban đại diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
6. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ này, hoặc trường hợp cơ cấu Ban đại diện quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, trong thời hạn 15 ngày sau khi có sự thay đổi, Ban đại diện quỹ và Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho đến khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
7. Công ty quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

1. Là nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là pháp nhân, sở hữu ít nhất ba phần trăm (3%) vốn điều lệ hoặc những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
2. Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ban đại diện thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ này đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;
2. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;
3. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty quản lý quỹ, thường xuyên kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ;
4. Giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định pháp luật;
5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;

6. Kiến nghị các chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ;
7. Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư; thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận;
8. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
9. Phê duyệt nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;
10. Có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ, ngân hành giám kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;
11. Kiến nghị việc thay đổi Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
12. Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ này hoặc phù hợp với Quy chế Ban đại diện và tuân thủ đúng các quy định pháp luật; Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm;
13. Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban đại diện quỹ thuộc thẩm quyền của Ban đại diện quỹ (không bao gồm chức danh Chủ tịch Ban đại diện quỹ);
14. Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và chiến lược phát triển hàng năm, hàng quý của Quỹ;
15. Ban đại diện quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:
    a. Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ nhà đầu tư nào của Quỹ đầu tư vay tiền;
    b. Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho nhà đầu tư vay tiền;
    c. Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;
    d. Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ đầu tư cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.
16. Tham dự các phiên họp Ban đại diện quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
17. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện quỹ;
18. Từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện quỹ trở lên có quyền quyết định triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc Ban đại diện quỹ phiên bất thường.
19. Có thể được Chủ tịch Ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ban đại diện.
20. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.
21. Ban đại diện quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội nhà đầu tư quyết định.
22. Ngoại trừ vấn đề quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này, Ban đại diện được quyết định tất cả các vấn đề quy định tại Điều 21 Điều lệ này nếu được Đại hội nhà đầu tư gần nhất ủy quyền.
23. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban đại diện quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 22 Điều này, Ban đại diện, thông qua Công ty quản lý quỹ, phải gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước, Ngân hàng giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban đại diện quỹ, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
24. Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của quỹ đại chúng.

Điều 27. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
   c. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
   d. Ban hành Thông báo việc đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên quy định tại khoản 1 Điều 28 của Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
4. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 28. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

1. Thành viên Ban đại diện quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:
   a. Bị khởi tố hoặc truy tố;
   b. Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
   c. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền;
   d. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.
2. Thành viên Ban đại diện quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:
   a. Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Điều lệ này;
   b. Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
   c. Bị cách chức thành viên Ban đại diện quỹ khi có Quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
   d. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong chín (09) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
   e. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
   f. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này
3. Thành viên Ban đại diện quỹ sẽ được bổ sung trong các trường hợp sau:
   a. Khi việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ nêu tại Khoản 2, 3 điều này dẫn đến thành viên Ban đại diện quỹ không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này;
   b. Khi Quỹ ETF VFMVN30 có nhu cầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ, việc bổ sung này không vượt quá số lượng tối đa quy định Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này;
   c. Thành viên Ban đại diện quỹ được bổ sung phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.
   d. Thành viên Ban đại diện quỹ được bầu bổ sung bằng hình thức bỏ phiếu kín tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 29. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

1. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

2. Ban đại diện quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.

3. Cuộc họp Ban đại diện quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên, bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban đại diện tại phiên họp mà được ủy quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban đại diện không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện quỹ dự họp và từ năm mươi mốt phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện quỹ độc lập thông qua. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.

5. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.

6. Ban đại diện quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công ty quản lý quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện quỹ.

7. Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện quỹ.

8. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban đại diện quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.

Điều 30. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban đại diện quỹ tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.

2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát.

3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ

4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

   a. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quản lý quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của quỹ theo Điều lệ này. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của quỹ.

   b. Công ty quản lý quỹ là đại diện theo ủy quyền của quỹ, thay mặt cho quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của quỹ một cách trung thực và cẩn trọng.

   c. Khi quản lý tài sản của quỹ, Công ty quản lý quỹ phải:

      i. Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với Ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát;

      ii. Trường hợp đầu tư tiền gửi cho quỹ, Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được Ban đại diện quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với ngân hàng nhận tiền gửi;

iii. Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho quỹ; Công ty quản lý quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

iv. Tách biệt tài sản của quỹ và tài sản của chính công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;

v. Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của quỹ trên hệ thống tài khoản của quỹ quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của quỹ tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, VSD, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của quỹ;

vi. Thực hiện việc đầu tư tài sản quỹ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ này;

vii. Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý quỹ. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.

d. Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.

e. Trong hoạt động quản trị quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:

i. Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ và trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này;

ii. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư.

f. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty quản lý quỹ và các Điều lệ này.

g. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng giám sát để Ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của quỹ với Ngân hàng giám sát.

h. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này thì Công ty quản lý quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho quỹ.

i. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ này.

j. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.

k. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. Việc bồi thường cho quỹ, nhà đầu tư vào

quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.

l. Công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản này.

m. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.

n. Trường hợp quỹ là nhà đầu tư nước ngoài, Công ty quản lý quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.

o. Việc sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ này có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty quản lý quỹ phải được Đại hội nhà đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

p. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

   i. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của quỹ; và

   ii. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của quỹ.

q. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của quỹ, thông tin về giao dịch tài sản và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

r. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:

   i. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;

   ii. Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.

s. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

a. Lựa chọn Ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 35 Điều lệ này;

b. Được ủy quyền cho Ngân hàng giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ uỷ quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của nhà đầu tư vào Quỹ;

c. Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

d. Được thay mặt, đại diện cho quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của quỹ theo quy định của pháp luật;

e. Khi thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành, công ty cổ phần mà quỹ là cổ đông, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát được ủy quyền thực hiện, phải bảo đảm

ý kiến biểu quyết của mình là không gây bất kỳ ảnh hưởng nào tới quyết định mà các cổ đông khác tham gia biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;

f. Ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ;

g. Được hưởng các khoản phí được quy định trong Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật;

h. Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;

i. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;

j. Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

   a. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, và đã được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;

   b. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

   c. Tự nguyện chấm dứt hoạt động và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;

   d. Công ty quản lý quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất với một Công ty quản lý quỹ khác;

   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với quỹ.

4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty quản lý quỹ

   Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công ty quản lý quỹ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này, , Quỹ sẽ phải trả cho Công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty quản lý quỹ
2.0%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ được thành lập
1.5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ được thành lập

   NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công ty quản lý quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 365 ngày liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ đã được Ngân hàng giám sát xác nhận.

   Phí này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Công ty quản lý quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

   Nếu Đại hội nhà đầu tư quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ vì lý do vi phạm các qui định pháp luật và quyết định này không bị Ủy ban chứng khoán nhà nước phản đối thì Quỹ sẽ không phải trả cho Công ty quản lý quỹ khoản phí nêu trên.

Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng giám sát của quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

2. Trừ trường hợp tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF mà công ty đang quản lý theo đúng quy định pháp luật và những trường hợp khác theo luật định, Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty quản lý quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ.

3. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại Điều lệ này.

4. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:

   a. Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;

   b. Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công ty quản lý quỹ quản lý;

   c. Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

   d. Không được sử dụng tài sản của quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác;

      Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật;

   e. Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

5. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công ty quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

   a. Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hành ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

   b. Công quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

6. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.

7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ.

Chương VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở.

2. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý quỹ và ngược lại.

3. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.

4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký.
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 36. Quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát:
   a. Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư;
   b. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng theo các quy định của pháp luật và Hợp đồng giám sát;
   c. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ này;
   d. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ này;
   e. Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của công ty quản lý, những tài sản của các quỹ khác của cùng một công ty quản lý, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát. Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán hoặc bảo lãnh cho những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
   f. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ theo thỏa thuận trong Hợp đồng cung cấp dịch vụ và theo quy định pháp luật;
   g. Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phù hợp với các qui định pháp luật và Điều lệ này, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
   h. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty quản lý quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban chứng khoán nhà nước;
   i. Thực hiện đối chiếu định kỳ tài sản của Quỹ với Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận dịch vụ với Công ty quản lý quỹ;
   j. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ này;
   k. Chuyển khoản tiền/ danh mục chứng khoán cơ cấu/ lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 cho Thành viên lập quỹ và và nhà đầu tư hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ này;
   l. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đên tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty quản lý quỹ lập hoặc do Tổ chức được Công ty quản lý quỹ ủy quyền lập;
   m. Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và hợp đồng giám sát;
   n. Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ này và hợp đồng giám sát;
   o. Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào có liên quan đến nghiệp vụ giám sát, lưu ký của Ngân hàng đối với Quỹ (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.
2. Quyền của Ngân hàng giám sát
   a. Ngân hàng giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ này và phù hợp với các quy định của pháp luật;
   b. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ.
3. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

a. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:

- Phối hợp với Công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này;
- Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại VSD; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với Công ty quản lý quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty quản lý quỹ trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
- Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
- Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- Công ty quản lý quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản, và Ngân hàng giám sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công ty quản lý quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công ty quản lý quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân hàng giám sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó;
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

b. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

c. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

d. Ngân hàng giám sát có quyền kiểm tra Công ty quản lý quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của quỹ, để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật.

e. Ngân hàng giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này. Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty quản lý quỹ, quỹ và nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban đại diện quỹ, Ủy ban chứng khoán nhà nước theo yêu cầu bằng văn bản.

f. Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật và Hợp đồng giám sát, lưu ký.

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a. Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;

b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;

c. Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

d. Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của quỹ;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 38. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty quản lý quỹ được phép ủy quyền đối với các dịch vụ dưới đây:

1. Dịch vụ quản trị quỹ:

   - Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
   - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
   - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này;
   - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

2. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

   - Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ;
   - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
   - Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
   - Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, Đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
   - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
   - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

Điều 39. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

   Tổ chức được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

   Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định.

Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

   Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các qui định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

   a. Đối với dịch vụ quản trị

   - Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
   - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
   - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này;
   - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

   b. Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

   - Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ;
   - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
   - Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
   - Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, Đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
   - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
   - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

   Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của Công ty quản lý quỹ;

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty quản lý quỹ.

Điều 41. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với quỹ;

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty quản lý quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền, bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;

3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ;

4. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;

5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

6. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

7. Công ty quản lý quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;
10. Tối thiểu một năm một lần, Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
    a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;
    b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ;
    c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty quản lý quỹ);
    d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Điều 42. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
    a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình ;
    b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
    c. Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
    d. Theo đề nghị của Đại hội nhà đầu tư;
    e. Quỹ bị giải thể;
    f. Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
    g. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
    h. Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi Tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công ty quản lý quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai Tổ chức có xác nhận của Công ty quản lý quỹ.

Chương IX

THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 43. Điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ

1. Là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh hoặc Ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập quỹ với Công ty quản lý quỹ VFM.
2. Trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất, trước tháng nộp hồ sơ đăng ký thành lập quỹ ETF VFMVN30, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%), hoặc một tỷ lệ khác cao hơn theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
3. Đã ký hợp đồng lập quỹ với Công ty quản lý quỹ VFM;
4. Luôn đảm bảo được số lượng lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng lập quỹ đã ký với Công ty quản lý quỹ.
5. Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) tại hợp đồng lập quỹ.

Điều 44. Quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ

1. Quyền của Thành viên lập quỹ:

a. Được cung cấp dịch vụ môi giới cho nhà đầu tư trong hoạt động hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật hiện hành. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán;

b. Được thực hiện các giao dịch tự doanh với quỹ ETF VFMVN30 , thông qua Công ty quản lý quỹ, theo cơ chế hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu của mình lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại;

c. Được vay chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 ; hoặc vay các lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 để hoán đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Hoạt động vay chứng khoán, chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của VSD;

d. Được thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30, chứng khoán cơ cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm thanh toán giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 229/2012/TT-BTC, ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này.

2. Trách nhiệm của Thành viên lập quỹ:

a. Nhận lệnh giao dịch (trực tiếp hoặc thông qua Đại lý phân phối) và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Công ty quản lý quỹ, VSD, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán;

b. Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các nhà đầu tư. Lệnh giao dịch của nhà đầu tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính Thành viên lập quỹ. Trong giao dịch chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 trên Sở giao dịch chứng khoán, Thành viên lập quỹ phải thực hiện lệnh của nhà đầu tư trước lệnh của mình. Trong giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30, Thành viên lập quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30, không được sử dụng tài sản của nhà đầu tư;

c. Bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký quỹ để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;

d. Quản lý tách biệt tài sản của nhà đầu tư trên tài khoản của từng nhà đầu tư, độc lập với tài sản của mình. Không được sử dụng tài sản của nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư; không được nhận ủy quyền của nhà đầu tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của nhà đầu tư;

e. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ;

f. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban chứng khoán nhà nước theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này;

g. Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của Đại lý phân phối theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành.

h. Trường hợp Thành viên lập quỹ bán chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30, số lượng chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 còn lại của Thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng lập quỹ đã ký với Công ty quản lý quỹ VFM.

i. Các hoạt động khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và Hợp đồng lập quỹ với Công ty quản lý quỹ VFM.

Điều 45. Tổ chức tạo lập thị trường

1. Là Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ VFM lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF VFMVN30. Công ty quản lý quỹ VFM có thể chỉ định một hoặc một số Thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường quỹ ETF. Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các tổ chức tạo lập thị trường.

2. Tổ chức tạo lập thị trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán chứng chỉ quỹ ETF; có trách nhiệm mua, bán chứng chỉ quỹ ETF theo mức giá yết tại các ngày giao dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật hiện hành và Quy chế hoạt động tổ chức tạo lập thị trường do Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và ban hành.

Chương X

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 46. Điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 với Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ;
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ;
3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muộn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai chứng chỉ quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.

Điều 47. Hoạt động của Đại lý phân phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
3. Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty quản lý quỹ;
5. Hỗ trợ Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư;
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban chứng khoán nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

Chương XI

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. Trường hợp Đại hội nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ theo quy định tại khoản 22 Điều 26 của Điều lệ này, Ban đại diện quỹ thực hiện chọn công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp.
2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
3. Được Ủy ban chứng khoán nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư

4. Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

Điều 49. Năm tài chính

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó hoặc đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 50. Chế độ kế toán & báo cáo tài chính

1. Chế độ kế toán

   Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Báo cáo tài chính

   - Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
   - Báo cáo tài chính bán niên /báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

3. Báo cáo khác

   Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XII

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau: Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.
2. Sổ tay định giá phải được Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ phê duyệt.
3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo nguyên tắc sau:
   a. Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 52 của Điều lệ này và quy định nội bộ tại Sổ tay định giá;
   b. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành và lấy đến hai (02) số thập phân. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào Quỹ.
   c. Sau khi xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ phải thông báo kết quả để Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc;

d. Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận, các giá trị tài sản ròng nêu trên phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện ngay trong ngày giao dịch hoặc tối thiểu không muộn hơn ngày giao dịch tiếp theo.

4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ hoặc trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán.

5. Công ty quản lý quỹ bảo đảm mức sai lệch xác định theo công thức:

Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$\mathrm{TE_t} = \sqrt{\mathrm{n}}\sqrt{\frac{1}{\mathrm{n}-1}\sum_{\mathrm{i}=-\mathrm{n}}^{-1}(\mathrm{R_i}-\overline{\mathrm{R}})^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của 1 lô chứng chỉ quỹ ETF (NAV/CU) và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = ln\left[\frac{(NAV/CU)_i}{(NAV/CU)_{i-1}}\right] - ln\left[\frac{(VN30-TRI)_i}{(VN30-TRI)_{i-1}}\right],$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n}\sum_{\mathrm{i}=-\mathrm{n}}^{-1}\mathrm{R_i}$$

n = 26

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

6. Trường hợp mức sai lệch của quỹ ETF vượt quá 80% mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán đồng thời công bố thông tin theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 229/2012/TT-BTC trong vòng 24 giờ, ngay sau khi phát sinh sự việc. Trong vòng ba (03) tháng, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% mức sai lệch tối đa.

Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

2. Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

A. Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

a. Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại Điều lệ này;

b. Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ các giao dịch đầu tư;

c. Các khoản mục định giá (bao gồm cổ phiếu, tiền mặt và các khoản đầu tư khác) phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các khoản không thống nhất phải được xử lý kịp thời.

d. Cổ tức, quyền mua cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phải được hạch toán vào tài sản của quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);

e. Những khoản chi phí, lãi và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến ngày liền trước ngày định giá theo một tỷ lệ lãi suất cố định;

f. Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;

g. Xác lập các mức dao động cho phép hợp lý đối với những biến động của các yếu tố quan trọng khi định giá;

h. Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá danh mục đầu tư. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ.

i. Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với Ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

B. Ngân hàng giám sát

a. Ngân hàng giám sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng Công ty quản lý quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại Điều lệ này. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được Công ty quản lý quỹ uỷ quyền thực hiện các hoạt động này;

b. Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác địnhgiá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với Công ty quản lý quỹ có hiệu lực;

c. Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân hàng giám sát biết hoặc nghi ngờ rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác địnhgiá của Công ty quản lý quỹ không đáp ứng yêu cầu;

d. Ngân hàng giám sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết thích hợp.

C. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ ETF VFMVN30 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá,...) tại ngày trước ngày định giá.

Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành, và được lấy đến hai (02) số thập phân.

Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ đang lưu hành và được làm tròn đến hàng đơn vị.

Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác

a. Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Ngân hàng giám sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;

b. Ngân hàng giám sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ;

D. Giá trị tài sản ròng được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		

3.	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán cho các giao dich mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
4.	Trái phiếu không niêm yết	Giá mua cộng lãi lũy kế
5.	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	Giá mua.
Cổ phiếu		
6.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
7.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
9.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
10.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết tại mục E khoản 2 Điều này.
Các tài sản khác		
12.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo các phương pháp được qui định của pháp luật cho phép.

Ghi chú :

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;

- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.
- Các phương thức định giá được chi tiết tại Sổ tay định giá.

E. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

a. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

b. Khi tính giá trị cam kết, Công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn [1] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta [2]
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn [3] điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

[1] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

[2] Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

[3] Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

Chương XIII

LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 53. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.

4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công ty quản lý quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư.
2. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
   - Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại phần này;
   - Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ (nếu có);
   - Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
   - Mức chi trả lợi tức do Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại Điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của Quỹ;
   - Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
3. Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa các điều kiện sau:
   - Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
   - Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của quỹ trong quá trình hoạt động.
   - Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công ty quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).
   - Đáp ứng nguyên tắc chi trả cổ tức của Quỹ nêu tại khoản 2 Điều này.
4. Công ty quản lý quỹ được phân chia cổ tức Quỹ khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
5. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do nhà đầu tư chịu.
6. Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức quỹ.

Điều 55. Các loại phí do Quỹ trả

1. Phí quản lý quỹ
   - Phí quản lý quỹ là 0,65% giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30/năm tài chính. Phí này được trả cho Công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ ETF VFMVN30.
   - Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
   - Công thức tính phí quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

     Phí quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ 0,65% phí quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
   - Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí quản lý quỹ là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.
2. Phí lưu ký và giám sát
   - Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và

được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- Phí giám sát là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có)).
- Phí lưu ký tối đa là 0,06% NAV/năm. Mức phí này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch, không bao gồm các giao dịch hoán đổi.
- Mức phí trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, phí rút chứng khoán chưa niêm yết, v.v….
- Công thức tính phí giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

  Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí giám sát, lưu ký là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.

3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ

- Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ ETF VFMVN30 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
- Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,035% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có))
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

  Phí dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí dịch vụ quản trị quỹ tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.

Tổng phí Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng là 42 triệu/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)) trong hai năm đầu tiên và từ năm thứ ba trở đi thì mức phí tối thiểu này là 50 triệu/tháng.

Tổng phí Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ Quản trị quỹ hàng tháng tối đa là 0.5% NAV/ bình quân gia quyền/năm (chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có))

Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu nêu trên.

4. Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa là 0,02% NAV bình quân gia quyền /năm. Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng để thực hiện các dịch vụ đại lý chuyển nhượng được nêu tại Điều lệ của Quỹ ETF VFMVN30. Mức phí chi tiết sẽ được thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và đơn vị cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, và công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo mức phí áp dụng khi có sự thay đổi với Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng giám sát, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng áp dụng cho giai đoạn ngay sau khi quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ sẽ được công ty quản lý quỹ thông báo cho Ban đại diện Quỹ, Ngân hàng giám sát và cập nhật trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ trước kỳ định giá đầu tiên.
- Mức phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 5 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế giá trị tăng (nếu có)).
- Công thức tính phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:

  Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng = Mức phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định hàng tháng/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá
- Mức phí và phương pháp thanh toán phí được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

5. Phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

- Phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối đa là 0,02% NAV bình quân gia quyền /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.

Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu sẽ ưu đãi phí này là 0 đồng từ ngày Quỹ được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập đến ngày được quy định trong hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.

- Công thức tính phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

  Phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.
- Mức phí và phương pháp thanh toán phí được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

6. Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)

- Phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu tối đa là 0,02% NAV bình quân gia quyền /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

  Tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu sẽ ưu đãi phí này là 0 đồng từ ngày quỹ được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập đến ngày được quy định trong hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

- Công thức tính phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

  Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.
- Mức phí và phương pháp thanh toán phí được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu

7. Các loại phí và lệ phí khác

- Phí giao dịch, bao gồm chi phí môi giới, phí chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là phí trả cho dịch vụ khác hoặc phí trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm).
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán; dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ.
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ.
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
- Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban dại diện Quỹ quyết định;
- Chi về bảo hiểm (nếu có);
- Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
- Thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
- Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật;
- Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 56. Chi phí hoạt động của quỹ

1. Chi phí hoạt động của quỹ ETF bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế dưới đây:

   a. Phí quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ;

   b. Phí lưu ký tài sản quỹ, phí giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;

   c. Phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty quản lý quỹ trả cho VSD, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;

   d. Phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu;

   e. Phí giao dịch, bao gồm chi phí môi giới, phí chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là phí trả cho dịch vụ khác hoặc phí trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);

   f. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán; dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ;

   g. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;

   h. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc quý II và quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ trong 12 tháng gần nhất} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong 12 tháng gần nhất}}$$

   Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

   Trong đó, giá trị tài sản ròng trung bình trong một kỳ của quỹ là tổng giá trị tài sản ròng của quỹ tính tại các ngày định giá trong kỳ đó chia cho số ngày định giá chứng chỉ quỹ trong cùng kỳ.

3. Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ, không bao gồm các ấn phẩm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này.

Chương XIV

GIẢI THỂ QUỸ

Điều 57. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

   a. Công ty quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

   b. Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty quản lý quỹ;

   c. Ngân hàng giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

   d. Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng giám sát;

e. Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;

f. Quỹ hủy niêm yết.

g. Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư.

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có Công ty quản lý quỹ) triệu tập Đại hội nhà đầu tư để thông qua phương án giải thể quỹ.

3. Đại hội nhà đầu tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của quỹ cho nhà đầu tư; hoặc duy trì hoạt động của Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản quỹ và phân chia tài sản quỹ cho nhà đầu tư theo phương án đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Trường hợp quỹ giải thể theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thanh lý, phân chia tài sản quỹ.

5. Trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư có quyết định khác, kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát không được:

a. Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho quỹ;

b. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của quỹ;

c. Tặng, cho tài sản của quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;

d. Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia; hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của quỹ mà không thực hiện bù trừ;

e. Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của quỹ.

6. Tài sản của quỹ đang giải thể bao gồm :

a. Tài sản và quyền về tài sản mà quỹ có tại thời điểm quỹ buộc phải giải thể;

b. Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm quỹ buộc phải giải thể;

c. Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quỹ.

7. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chuyển giao danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư tại quỹ theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều này.

8. Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản hoặc số lượng chứng chỉ quỹ quá nhỏ theo quy định tại Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ được bán thanh lý tài sản và thanh toán tiền cho nhà đầu tư. Việc bán thanh lý tài sản là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, hoặc giao dịch theo các phương thức khác bảo đảm lợi ích lớn nhất cho quỹ và phù hợp với phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

9. Tài sản từ việc thanh lý quỹ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a. Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;

b. Các khoản phải trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể quỹ. Trong trường hợp quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này, quỹ không phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát các khoản phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

c. Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu VSD, tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành thực hiện việc chuyển khoản, đăng ký sở hữu tài sản cho nhà đầu tư.

10. Kết quả thanh lý tài sản của quỹ phải được xác nhận bởi Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ, được thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập được Đại hội nhà đầu tư chỉ định theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc Ban đại diện quỹ thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.

Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có Công ty quản lý quỹ) phải thông báo việc giải thể quỹ cho Ủy ban chứng khoán nhà nước.

2. Tài liệu thông báo việc giải thể quỹ bao gồm:

   a. Thông báo về việc giải thể quỹ bao gồm các nội dung theo quy định tại phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư 229/2012/TT-BTC;

   b. Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, kèm theo phương án, lộ trình thanh lý và phân phối tài sản đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, trong đó nêu rõ nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng tại ngày giải thể và trong thời gian quỹ thanh lý tài sản phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và sổ tay định giá; phương thức phân phối tài sản cho nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về hoạt động thanh lý và phân phối tài sản;

   c. Cam kết bằng văn bản được ký bởi đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ (nếu có) và Ngân hàng giám sát về việc chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục thanh lý tài sản để giải thể quỹ.

3. Sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày gửi thông báo, nếu Ủy ban chứng khoán nhà nước không có ý kiến về việc giải thể quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ theo quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, Công ty quản lý quỹ tiến hành thực hiện trình tự, thủ tục hủy niêm yết tự nguyện, hủy đăng ký chứng chỉ quỹ theo hướng dẫn của Sở giao dịch chứng khoán, VSD.

4. Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, nhưng tối đa không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ. Trong thời gian quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, phí quản lý, phí giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu phí đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Sau ngày giải thể quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về chi phí phát sinh trong kỳ, giá trị tài sản ròng còn lại của quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một chứng chỉ quỹ, danh mục tài sản còn lại chưa kịp phân phối cho nhà đầu tư theo mẫu quy định pháp luật hiện hành. Thông báo gửi cho nhà đầu tư phải được cung cấp cho Ủy ban chứng khoán nhà nước kèm theo báo cáo về tài sản và báo cáo danh mục đầu tư của quỹ theo mẫu quy định của pháp luật hiện hành .

5. Trong thời hạn mười năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát (nếu không có Công ty quản lý quỹ) có trách nhiệm công bố thông tin về việc hoàn tất thanh lý, phân phối và giải thể quỹ theo quy đ quy định pháp luật hiện hành, đồng thời thông báo cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước kết quả giải thể quỹ bao gồm các tài liệu sau:

   a. Báo cáo có xác nhận của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và tổ chức kiểm toán hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) về việc thanh lý các tài sản của quỹ, việc trả nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đối với các chủ nợ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ khác, kể cả các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Báo cáo phải đính kèm danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, kể cả các khoản nợ về thuế;

   b. Báo cáo kết quả giải thể, thành lý tài sản của quỹ có xác nhận của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và tổ chức kiểm toán hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) về tiến trình thanh lý tài sản, phương thức thanh lý và phân chia tài sản; tổng giá trị tài sản thu được sau khi thanh lý; tổng nợ phải thanh toán và phần tài sản còn lại để phân phối cho các nhà đầu tư theo mẫu quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp quỹ phân chia tài sản không phải là tiền, tài liệu bổ sung bao gồm xác nhận của VSD về việc đã hoàn tất

phân bổ, đăng ký chứng khoán cho nhà đầu tư theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và nhà đầu tư; xác nhận của tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành, doanh nghiệp tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ về việc đã hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, phần vốn góp cho từng nhà đầu tư tham gia vào quỹ theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ;

c. Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;

d. Báo cáo thẩm định kết quả thanh lý tài sản của tổ chức kiểm toán được Đại hội nhà đầu tư chỉ định hoặc của Ban đại diện quỹ (nếu có);

e. Xác nhận của nhà đầu tư về việc nhận đầy đủ tiền và tài sản theo đúng phương án giải thể quỹ.

6. Trường hợp thông báo kết quả giải thể không chính xác, có tài liệu giả mạo, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, những tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn ba (03) năm, kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Chương XV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 59. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải:

a. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;

b. Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

Chương XVI

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được công ty Quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện quỹ đã thông báo cho Quỹ.

3. Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của quỹ hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin

điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống Đại lý phân phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư.

4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.

5. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 61. Thay đổi Điều lệ

1. Điều lệ quỹ lần đầu do Công ty quản lý quỹ xây dựng theo mẫu quy định tại Thông tư số 229/2012/TT-BTC. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 được coi là đã thông qua Điều lệ lần đầu này.

2. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư, ngoại trừ trường hợp sửa các lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ. Sau khi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho nhà đầu tư biết về những nội dung sửa đổi, bổ sung và cập nhật vào Điều lệ Quỹ.

Điều 62. Đăng ký Điều lệ

1. Điều lệ quỹ lần đầu này bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục đã được Nhà đầu tư thông qua sẽ có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ ETF VFMVN30.

   Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ nhất bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thành lập ngày 06/10/2014, có hiệu lực thi hành kể từ ngày hiệu lực của Bản cáo bạch đã cập nhật các chỉnh sửa, bổ sung trên.

   Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ hai bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư ngày 19/3/2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày19/3/2015.

   Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ ba bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư ngày 05/04/2016, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/04/2016.

   Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền của Công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.

2. Điều lệ này được lập thành 05 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:

   - 02 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
   - 01 bản lưu tại văn phòng của Quỹ.
   - 01 bản lưu tại văn phòng của Công ty quản lý quỹ.
   - 01 bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng giám sát.

Điều 63. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy đăng ký lập Quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Làm tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2016

NGUYỄN BỘI HỒNG LÊ

Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08)-3825 1488 Fax: (08)-3825 1489 Website: www.vinafund.com

Công ty quản lý quỹ VFM cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ ETF VFMVN30:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ này trong hoạt động quản lý quỹ;
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm;
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo Điều lệ này;
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
   (a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
   (b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
   (c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ;
   (d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác;
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép;
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư;
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;
14. Báo cáo kịp thời cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát không thống nhất;
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật;

CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

TRẦN THANH TÂN

Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Số Giấy phép Thành lập và hoạt động: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015.

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ này trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm;
3. Thực hiện một cách tận tuy,, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng giám sát đối với Quỹ;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát;
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát;
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo Điều lệ này;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ;
9. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm;

Đại diện Ngân hàng giám sát

M.S.D.N: 0103617147 - C.T.T.N.H.H - NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM) - Q.NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Madhavi Daluwatte
Giám Đốc Nghiệp Vụ
Khối Nghiệp Vụ Ngân Hàng Doanh Nghiệp

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Số Giấy phép Thành lập và hoạt động: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 08/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư;
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ này trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/ vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn;
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ này hoặc Bản cáo bạch.

Đại diện Công ty quản lý quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

TRẦN THANH TÂN

Tổng Giám đốc

Đại diện Ngân hàng giám sát

NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Madhavi Daluwatte

Giám Đốc Nghiệp Vụ

Khối Nghiệp Vụ Ngân Hàng Doanh Nghiệp